

# CHƯƠNG I. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CHUNG VỀ BẢO VỆ QUYỀN ĐỐI VỚI HÌNH ẢNH TRONG MÔI TRƯỜNG SỐ

## 1.1. Một số khái niệm

### 1.1.1 Khái niệm hình ảnh

Nhìn chung, “hình ảnh” không chỉ là một khái niệm về mặt thị giác mà còn mang giá trị pháp lý, xã hội và văn hóa, đặc biệt khi nó liên quan đến quyền riêng tư và quyền cá nhân trong môi trường công nghệ hiện đại ngày nay. “Hình ảnh” trong ngữ cảnh xã hội nói chung và góc độ pháp lý nói riêng có thể hiểu theo nhiều cách khác nhau, tùy thuộc vào bối cảnh sử dụng.

Dưới góc độ pháp lý, các quy định pháp luật hiện hành không đưa ra khái niệm cụ thể về “hình ảnh” mà chỉ có các quy định điều chỉnh nội dung liên quan đến hình ảnh như quyền nhân thân đối với hình ảnh cá nhân trong pháp luật dân sự; quyền sở hữu trí tuệ đối với các đối tượng quyền tồn tại dưới dạng hình ảnh như tác phẩm nhiếp ảnh, tác phẩm mỹ thuật, mỹ thuật ứng dụng, nhãn hiệu, ... trong luật sở hữu trí tuệ.

Xét trong ngữ cảnh xã hội nói chung, khái niệm về hình ảnh có thể được hiểu như sau: “Hình ảnh cá nhân” là sự thể hiện trực quan về diện mạo, hình dáng, hoặc biểu hiện của một con người, thường được thể hiện thông qua các phương tiện như ảnh chụp, video, tranh vẽ hoặc các hình thức tương tự. Đây là một phần quan trọng của nhân dạng, thể hiện nét đặc trưng và nhận diện của mỗi cá nhân, và được pháp luật bảo vệ như một quyền riêng tư cá nhân. Hay “hình ảnh” trong truyền thông và nghệ thuật, có thể là biểu tượng hoặc sự thể hiện trực quan của sự vật, hiện tượng hoặc ý tưởng, thường xuất hiện trong nghệ thuật, truyền thông, quảng cáo và các lĩnh vực sáng tạo khác. Nó có thể không nhất thiết phải liên quan đến diện mạo của một cá nhân cụ thể. Hình ảnh trong ngữ cảnh này có thể bao gồm cả hình ảnh động (video, phim) và hình ảnh tĩnh (tranh vẽ, bức ảnh).

Ngày nay, với sự phát triển của khoa học công nghệ, hình ảnh còn có thể tồn tại và biểu hiện dưới nhiều thể thức khác nhau. Hình ảnh trong môi trường số là các tệp tin chứa dữ liệu trực quan, có thể được lưu trữ, chia sẻ và chỉnh sửa một cách dễ dàng thông qua các nền tảng trực tuyến, mạng xã hội, và các công cụ số. Hình ảnh số có thể bao gồm ảnh chụp, biểu đồ, đồ họa kỹ thuật số, và các hình thức khác. Đặc biệt, sự phát triển của công nghệ kỹ thuật số còn cho phép tạo ra những hình ảnh nhân tạo, chẳng hạn như hình ảnh do trí tuệ nhân tạo (AI) tạo ra.

### 1.1.2. Khái niệm quyền đối với hình ảnh

Quyền đối với hình ảnh được xem là một nội dung của quyền riêng tư cá nhân. Việc sử dụng hình ảnh của người khác mà không có sự đồng ý có thể làm ảnh hưởng đến quyền riêng tư, thậm chí là danh dự, nhân phẩm của họ. Trong khoa học pháp lý, hình ảnh cá nhân là một quyền nhân thân của con người và được bảo vệ khỏi sự sử dụng trái phép, đặc biệt là khi hình ảnh đó bị sử dụng cho mục đích thương mại hoặc xâm phạm quyền riêng tư. Các quy định pháp luật về hình ảnh cá nhân thường liên quan đến việc quản lý việc sử dụng hình ảnh của cá nhân trong các phương tiện truyền thông, quảng cáo, hoặc môi trường số, và yêu cầu sự đồng ý rõ ràng của người có hình ảnh<sup>1</sup>. Nhìn chung, quyền này yêu cầu các khía cạnh như sau:

*Quyền sở hữu hình ảnh cá nhân:* Mỗi cá nhân có quyền sở hữu hình ảnh của mình và quyền kiểm soát việc hình ảnh đó được chụp, ghi lại, sử dụng hoặc phát tán. Điều này có nghĩa là người khác không được phép sử dụng hình ảnh của cá nhân đó mà không có sự đồng ý, đặc biệt khi sử dụng cho mục đích thương mại hoặc công cộng.

*Quyền được bảo vệ danh dự và nhân phẩm:* Hình ảnh không chỉ thể hiện diện mạo bên ngoài mà còn liên quan đến danh dự, nhân phẩm và sự tôn trọng cá nhân. Việc sử dụng hoặc chỉnh sửa hình ảnh mà gây tổn hại đến danh dự, nhân phẩm của người trong ảnh là hành vi xâm phạm quyền đối với hình ảnh.

*Quyền ngăn cản việc sử dụng trái phép hình ảnh:* Cá nhân có quyền yêu cầu ngăn chặn, gỡ bỏ hoặc xử lý những trường hợp hình ảnh của họ bị sử dụng trái phép, không có sự đồng ý. Điều này thường áp dụng trong các trường hợp hình ảnh bị phát tán rộng rãi trên mạng xã hội hoặc bị sử dụng cho mục đích xấu, chẳng hạn như quấy rối, bôi nhọ hoặc lừa đảo.

*Quyền từ chối hoặc đồng ý sử dụng hình ảnh trong môi trường số:* Trong môi trường kỹ thuật số, hình ảnh của cá nhân dễ dàng bị sao chép, chỉnh sửa, hoặc phát tán mà không có sự kiểm soát. Quyền đối với hình ảnh trong bối cảnh này ngày càng trở nên quan trọng, khi việc bảo vệ dữ liệu cá nhân và hình ảnh phải được đảm bảo trước các hành vi xâm phạm trực tuyến. Nên việc quyết định được lựa chọn đồng ý hay từ chối cho người khác sử dụng hình ảnh cá nhân là cần thiết và đúng đắn. Và thường quyền

---

<sup>1</sup> Đặng Duy Thanh (21/08/2020), “Quyền của cá nhân đối với hình ảnh, quy định và bất cập”, *Tạp chí Tòa án Nhân dân điện tử*, <https://tapchitoaan.vn/quyen-cua-ca-nhan-doi-voi-hinh-anh-quy-dinh-va-bat-cap>, truy cập ngày 12/08/2024.

này áp dụng nhiều hơn trong ngữ cảnh như quảng cáo, truyền thông, phim ảnh; và đặc biệt quan trọng trong hoạt động thương mại.

Có thể thấy quyền đối với hình ảnh là một phần không thể tách rời của quyền nhân thân, nhằm bảo vệ sự toàn vẹn của cá nhân trong cuộc sống thực và cuộc sống ảo (môi trường điện tử số) để chống lại các hành vi có thể gây tổn hại danh dự và nhân phẩm. “Quyền đối với hình ảnh” và “Quyền riêng tư” là hai khái niệm pháp lý riêng biệt nhưng có mối liên hệ chặt chẽ với nhau.

“Quyền riêng tư là quyền cá nhân được phép giữ kín thông tin, tư liệu, dữ liệu gắn với cuộc sống riêng tư của mình, quyền bất khả xâm phạm về thân thể, nơi ở, thư tín, điện thoại và các thông tin điện tử khác nhau mà không một chủ thể nào có quyền tiếp cận công khai trừ trường hợp được chính người này hoặc bằng quyền quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền”<sup>2</sup>. Như vậy, quyền riêng tư là quyền của cá nhân được bảo vệ khỏi sự can thiệp không hợp pháp vào đời sống cá nhân và các thông tin riêng tư. Điều này bao gồm quyền không bị theo dõi, không bị ghi âm hoặc ghi hình mà không có sự đồng ý, và quyền giữ bí mật về thông tin cá nhân. Quyền riêng tư bao gồm nhiều khía cạnh khác nhau, từ thông tin cá nhân đến không gian sống và các mối quan hệ.

Quyền đối với hình ảnh và quyền riêng tư có mối liên hệ với nhau vì cả hai quyền đều nhằm bảo vệ danh dự và nhân phẩm của cá nhân. Quyền đối với hình ảnh tuy không có định nghĩa cụ thể nhưng có thể thấy nó nằm trong nội hàm của quyền riêng tư. Việc xâm phạm đến quyền đối với hình ảnh có thể dẫn đến ảnh hưởng danh dự, do đó có thể ảnh hưởng đến quyền riêng tư. Nhiều quốc gia đã có quy định pháp luật riêng về quyền đối với hình ảnh và quyền riêng tư. Quyền riêng tư thường được bảo vệ thông qua các đạo luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân, trong khi quyền đối với hình ảnh thường được bảo vệ trong các quy định về bản quyền và quyền nhân thân. Tại Việt Nam, pháp luật dân sự quy định về quyền nhân thân, trong đó có quyền của cá nhân đối với hình ảnh và quyền đối với đời sống riêng tư tại Điều 32, 38 Bộ luật Dân sự 2015.

Cả quyền đối với hình ảnh và quyền riêng tư đều đóng vai trò quan trọng trong việc bảo vệ quyền lợi cá nhân trong xã hội hiện đại. Việc hiểu rõ mối quan hệ và những thách thức liên quan đến hai quyền này là cần thiết để bảo vệ bản thân và đảm bảo quyền

---

<sup>2</sup> Thái Thị Tuyết Dung (2012), *Quyền tiếp cận thông tin và quyền riêng tư ở Việt Nam và một số quốc gia*, NXB Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh.

lợi trong môi trường số. Trong thời đại số hiện nay, việc chia sẻ và phát tán hình ảnh trở nên dễ dàng và phổ biến hơn, điều này dẫn đến nguy cơ xâm phạm quyền riêng tư cao hơn. Thực tế, các nền tảng mạng xã hội, trang web hoặc các phần mềm ứng dụng đều có khả năng trở thành công cụ xâm phạm quyền này. Chính vì vậy, việc bảo vệ quyền đối với hình ảnh trong môi trường số ngày càng trở nên cấp thiết do sự phát triển nhanh chóng của công nghệ thông tin và truyền thông.

### **1.1.3. Khái niệm môi trường số**

Môi trường số (còn gọi là không gian số hoặc không gian ảo) là khái niệm mô tả tổng thể các hệ thống, nền tảng và công nghệ cho phép việc tạo ra, chia sẻ và tương tác thông tin trong định dạng kỹ thuật số. Môi trường số cũng liên quan đến các quy định pháp luật, chính sách và tiêu chuẩn nhằm bảo vệ quyền lợi của người dùng, đảm bảo an toàn thông tin và thúc đẩy sự phát triển bền vững trong thế giới số.

Môi trường số là một khái niệm rộng lớn, bao trùm các khía cạnh kỹ thuật, xã hội, kinh tế và pháp lý, đóng vai trò quan trọng trong đời sống hiện đại và ảnh hưởng đến nhiều lĩnh vực khác nhau trong xã hội. Môi trường số bao hàm các thành phần như không gian thông tin, các nền tảng kỹ thuật số, sự tương tác giữa người và máy và thậm chí là kinh tế số. Trong đó, không gian thông tin bao gồm tất cả các thông tin được lưu trữ, quản lý và chia sẻ thông qua các phương tiện kỹ thuật số như máy tính, điện thoại thông minh, máy chủ và dịch vụ đám mây (lưu trữ bên trong phần “Cloud của tôi” trong ứng dụng Zalo). Đây là nơi diễn ra các hoạt động trao đổi và tương tác thông tin. Các nền tảng kỹ thuật số trực tuyến như mạng xã hội (Facebook, Messenger, Instagram, Threads, Tiktok, Youtube, Zalo, Telegram, Sky, Snapchat,...), trang web, diễn đàn, và các ứng dụng di động tạo thành các không gian tương tác, cho phép người dùng giao tiếp, chia sẻ nội dung và tham gia vào các hoạt động xã hội hoặc thương mại. Tương tác giữa người và máy chẳng hạn như sự tương tác giữa con người và máy móc thông qua giao diện người dùng, các ứng dụng phần mềm, và các công nghệ mới như trí tuệ nhân tạo, thực tế ảo (VR) và thực tế tăng cường (AR). Ngày nay, môi trường số cũng là nền tảng cho các hoạt động thương mại, giao dịch và dịch vụ trực tuyến. Kinh tế số bao gồm thương mại điện tử (Shopee, Lazada, Tiki, Amazon,..); thanh toán trực tuyến ( Momo, App ngân hàng Digibank, Zalo Pay, Apple Pay,.. ) và các mô hình kinh doanh mới dựa trên công nghệ số (Livestream trực tuyến bán hàng).

Sự phát triển không ngừng của môi trường số tạo điều kiện thuận lợi hơn cho cuộc sống của con người ở nhiều khía cạnh. Tuy nhiên, nó cũng tiềm tàng nhiều rủi ro đối với đời sống xã hội, bao gồm khía cạnh pháp lý. Môi trường số gắn liền với việc thu thập, phân tích và bảo vệ dữ liệu. Vấn đề an ninh mạng, bảo mật thông tin và quyền riêng tư trở nên quan trọng hơn bao giờ hết trong bối cảnh mọi thông tin cá nhân, tài chính và doanh nghiệp đều có thể bị tấn công hoặc rò rỉ. Mặt khác, sự số hoá có khả năng ảnh hưởng đến xã hội và văn hóa; môi trường số ảnh hưởng sâu sắc đến cách thức giao tiếp, kết nối và tương tác giữa con người, cũng như cách thức mà thông tin được tiêu thụ và sản xuất. Nó có thể dẫn đến sự thay đổi trong các giá trị văn hóa, hành vi xã hội và cách thức thực hiện các hoạt động hàng ngày.

## **1.2. Tầm quan trọng và ý nghĩa của việc bảo vệ quyền đối với hình ảnh trong môi trường số**

Trong môi trường số hiện đại, việc bảo vệ quyền đối với hình ảnh trở nên vô cùng quan trọng do sự phát triển nhanh chóng của công nghệ và mạng xã hội. Khi hình ảnh cá nhân dễ dàng bị sao chép, chia sẻ và phát tán mà không có sự đồng ý, rủi ro xâm phạm quyền riêng tư và danh dự cá nhân trở nên nghiêm trọng hơn bao giờ hết. Bảo vệ quyền đối với hình ảnh không chỉ giúp cá nhân kiểm soát cách thức mà hình ảnh của họ được sử dụng, mà còn góp phần tạo dựng một môi trường trực tuyến an toàn, nơi mà mọi người có thể tự do chia sẻ thông tin mà không lo sợ bị lạm dụng hình ảnh. Hơn nữa, điều này khẳng định quyền tự chủ và tôn trọng đối với cá nhân, đồng thời thúc đẩy trách nhiệm của các nền tảng công nghệ trong việc quản lý nội dung. Do đó, việc bảo vệ quyền đối với hình ảnh có ý nghĩa và tầm quan trọng to lớn, không chỉ là một yêu cầu pháp lý mà còn là một yếu tố thiết yếu trong việc xây dựng niềm tin và sự an toàn trong xã hội số.

### **1.2.1. Tầm quan trọng của việc bảo vệ quyền đối với hình ảnh trong môi trường số**

Tầm quan trọng của việc bảo vệ quyền đối với hình ảnh trong môi trường số có thể được nhìn nhận dưới nhiều góc độ khác nhau như cá nhân, xã hội, kinh tế.

*Dưới góc độ cá nhân, khi quyền hình ảnh được bảo vệ, mọi người sẽ cảm thấy an tâm hơn khi chia sẻ thông tin và hình ảnh cá nhân trên Internet.* Việc có khả năng kiểm soát hình ảnh của bản thân giúp họ trở nên tự tin hơn, từ đó khuyến khích tham gia vào các hoạt động xã hội trực tuyến mà không phải lo lắng về việc xâm phạm quyền riêng

tư. Điều này tạo ra tâm lý tích cực, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống. Quyền đối với hình ảnh gắn liền với danh tiếng và hình ảnh cá nhân. Khi cá nhân nhận thức được rằng quyền hình ảnh của mình được bảo vệ, họ sẽ cảm thấy yên tâm hơn vì hình ảnh của mình sẽ không bị sử dụng sai mục đích. Sự bảo vệ này không chỉ duy trì danh tiếng mà còn củng cố lòng tự trọng của mỗi người. Việc xâm phạm quyền hình ảnh có thể gây ra cảm giác lo lắng, căng thẳng. Khi hình ảnh cá nhân bị khai thác mà không có sự đồng ý, thiếu kiểm soát, cá nhân có thể bị ảnh hưởng tiêu cực đến sức khỏe tinh thần.

*Dưới góc độ xã hội, việc bảo vệ quyền hình ảnh là vô cùng quan trọng trong việc xây dựng lòng tin và tạo ra một không gian giao tiếp cởi mở trong cộng đồng.* Khi quyền riêng tư được tôn trọng, mọi người sẽ thoải mái chia sẻ thông tin, tạo nên sự kết nối xã hội và hợp tác hiệu quả hơn. Bảo vệ quyền đối với hình ảnh không chỉ thể hiện giá trị văn hóa mà còn nâng cao nhận thức về quyền lợi cá nhân, khuyến khích sự tôn trọng lẫn nhau và ngăn chặn hành vi quấy rối. Đối với doanh nghiệp truyền thông và cá nhân, việc tuân thủ các quy định về quyền đối với hình ảnh là cần thiết để xây dựng môi trường có trách nhiệm, từ đó thúc đẩy nền văn hóa số văn minh và cải thiện chất lượng nội dung trực tuyến.

*Dưới góc độ kinh tế, việc bảo vệ quyền đối với hình ảnh giúp cá nhân, tổ chức quản lý, khai thác hình ảnh của mình để tạo ra các giá trị kinh tế.* Đặc biệt trong nghệ thuật và truyền thông, việc bảo vệ quyền đối với hình ảnh có thể mang lại giá trị lớn về doanh thu. Các doanh nghiệp tôn trọng quyền đối với hình ảnh không chỉ xây dựng được lòng tin từ khách hàng, góp phần quảng bá hình ảnh thương hiệu, tạo ra nguồn doanh thu ổn định mà còn khuyến khích sự cạnh tranh lành mạnh giữa các doanh nghiệp. Bảo vệ quyền đối với hình ảnh cũng giảm thiểu những rủi ro pháp lý về xâm phạm quyền riêng tư. Môi trường pháp lý rõ ràng về quyền đối với hình ảnh thu hút các nhà đầu tư, khuyến khích sự phát triển của các doanh nghiệp sáng tạo. Cuối cùng, việc này góp phần vào sự phát triển bền vững của nền kinh tế số.

Tóm lại, việc bảo vệ quyền hình ảnh giúp xây dựng một xã hội văn minh hơn, nơi mọi người tôn trọng quyền riêng tư của nhau và ngăn chặn các hành vi quấy rối. Mặt khác, góp phần giảm thiểu rủi ro pháp lý, nâng cao niềm tin của người tiêu dùng và thúc đẩy sự phát triển bền vững của nền kinh tế số. Việc xem xét dưới tầm quan trọng của bảo vệ quyền đối với hình ảnh dưới nhiều góc độ khác nhau cho thấy việc bảo vệ quyền

hình ảnh không chỉ mang lại lợi ích cho cá nhân mà còn cho cả cộng đồng và rộng hơn là nền kinh tế.

### **1.2.2. Ý nghĩa của việc bảo vệ quyền đối với hình ảnh trong môi trường số**

*Giúp đảm bảo quyền lợi chính đáng của cá nhân và ngăn chặn các hành vi lạm dụng hình ảnh của người khác.* Việc bảo vệ quyền đối với hình ảnh có ý nghĩa to lớn trong việc giúp mỗi người bảo vệ thông tin cá nhân và những khía cạnh riêng tư của cuộc sống. Cá nhân có quyền kiểm soát hình ảnh của chính mình và có toàn quyền quyết định ai có thể sử dụng hình ảnh của mình và vào mục đích gì, trong bối cảnh nào. Điều này thể hiện sự tôn trọng đối với quyền tự do cá nhân, không chỉ bảo vệ danh phẩm cá nhân mà còn khẳng định quyền tự chủ và sự tôn trọng mà mỗi người cần có trong một cộng đồng. Việc sử dụng hình ảnh mà không có sự đồng ý có thể dẫn đến nhiều hệ lụy và thậm chí làm tổn hại đến danh tiếng cá nhân. Các hành vi lạm dụng phổ biến như mạo danh, hình ảnh bị sao chép, chia sẻ hay phát tán thông tin sai lệch mà không có sự đồng ý của cá nhân đó. Việc ghi nhận và bảo vệ quyền đối với hình ảnh đóng vai trò quan trọng trong việc ngăn chặn các hành vi lạm dụng như mạo danh, quấy rối hoặc sử dụng hình ảnh không đúng mục đích; qua đó giúp giảm nguy cơ xâm phạm quyền riêng tư và danh dự, bảo vệ sự an toàn của cá nhân. Hơn nữa, việc bảo vệ quyền đối với hình ảnh ngày càng trở nên quan trọng do sự phát triển nhanh chóng của công nghệ và mạng xã hội, nơi thông tin có thể bị lan truyền nhanh chóng.

*Khuyến khích sự sáng tạo, đổi mới và thúc đẩy tính minh bạch, trách nhiệm trong truyền thông thời đại số.* Việc ghi nhận và bảo vệ quyền đối với hình ảnh trên môi trường số giúp mọi người có thể tự do thể hiện bản thân mà không sợ bị lạm dụng hình ảnh. Ý nghĩa của việc bảo vệ quyền đối với hình ảnh không chỉ dừng lại ở khía cạnh cá nhân mà còn góp phần xây dựng một xã hội tôn trọng quyền riêng tư và tự do của tất cả mọi người. Khi quyền hình ảnh được tôn trọng, nó thúc đẩy một môi trường truyền thông công bằng hơn, nơi mà thông tin được cung cấp một cách trung thực và có trách nhiệm. Khi các cá nhân nhận thấy quyền đối với hình ảnh của họ được bảo vệ, họ sẽ cảm thấy an tâm hơn khi chia sẻ thông tin và hình ảnh cá nhân trên các nền tảng số, từ đó tạo dựng lòng tin trong cộng đồng trực tuyến. Mặt khác, cơ chế bảo vệ quyền đối với hình ảnh còn khuyến khích những người sáng tạo nội dung, nghệ sĩ và nhà sản xuất sử dụng hình ảnh của mình một cách sáng tạo mà không lo ngại về việc bị xâm phạm quyền. Từ đó, thúc đẩy các nền tảng mạng xã hội có trách nhiệm hơn trong việc quản lý và bảo vệ nội

dung do người dùng tạo ra. Một xã hội nơi mà quyền đối với hình ảnh được bảo vệ sẽ tạo ra một môi trường an toàn và tôn trọng, giúp xây dựng lòng tin giữa các cá nhân và cộng đồng, góp phần phát triển kinh tế - xã hội.

Tóm lại, việc ghi nhận và bảo vệ hiệu quả quyền đối với hình ảnh trong môi trường số có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong kỷ nguyên số và có khả năng tác động đến nhiều khía cạnh cuộc sống.

### **1.3. Quy định pháp luật hiện hành về quyền đối với hình ảnh**

#### **1.3.1. Quy định của pháp luật dân sự Việt Nam về quyền nhân thân đối với hình ảnh cá nhân**

Pháp luật Việt Nam không chỉ bảo vệ quyền đối với hình ảnh trong các giao dịch truyền thống mà còn đảm bảo quyền này trong môi trường số, nơi mà việc xâm phạm hình ảnh cá nhân ngày càng dễ dàng và phổ biến. Các quy định này giúp đảm bảo quyền riêng tư và danh dự của cá nhân được tôn trọng và bảo vệ chặt chẽ. Theo quy định của pháp luật Việt Nam, quyền của cá nhân đối với hình ảnh được coi là một trong những quyền nhân thân quan trọng, được quy định rõ trong Bộ luật Dân sự 2015. Điều 32 của Bộ luật này quy định rằng cá nhân có quyền đối với hình ảnh của mình và việc sử dụng hình ảnh của cá nhân phải có sự đồng ý của người đó. Cụ thể, khoản 1 Điều 32 quy định *“Cá nhân có quyền đối với hình ảnh của mình. Việc sử dụng hình ảnh của cá nhân phải được người đó đồng ý. Việc sử dụng hình ảnh của người khác vì mục đích thương mại thì phải trả thù lao cho người có hình ảnh, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác.”*

Tuy nhiên, cần lưu ý rằng trong một số trường hợp, việc sử dụng hình ảnh không cần có sự đồng ý của người có hình ảnh hoặc người đại diện theo pháp luật của họ như hình ảnh được sử dụng vì lợi ích quốc gia, dân tộc, lợi ích công cộng; hình ảnh được sử dụng từ các hoạt động công cộng, bao gồm hội nghị, hội thảo, hoạt động thi đấu thể thao, biểu diễn nghệ thuật và hoạt động công cộng khác mà không làm tổn hại đến danh dự, nhân phẩm, uy tín của người có hình ảnh.<sup>3</sup> Ngoài ra, ngoại lệ sử dụng hình ảnh của cá nhân có thể được sử dụng mà không cần sự đồng ý trong một số trường hợp đặc biệt, như sử dụng hình ảnh trong hoạt động vì lợi ích công cộng hoặc trong phạm vi hoạt động báo chí nhưng phải tuân thủ quy định của pháp luật về báo chí và quyền riêng tư.

Về điều kiện sử dụng hình ảnh, việc sử dụng hình ảnh của một cá nhân phải có sự đồng ý của người đó, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. Việc sử dụng hình

---

<sup>3</sup> Khoản 2 Điều 32 Bộ luật Dân sự 2015.

ảnh mà vi phạm quy định thì người có hình ảnh có quyền yêu cầu Tòa án ra quyết định buộc người vi phạm, cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan phải thu hồi, tiêu hủy, chấm dứt việc sử dụng hình ảnh, bồi thường thiệt hại và áp dụng các biện pháp xử lý khác theo quy định của pháp luật.<sup>4</sup> Người bị xâm phạm quyền đối với hình ảnh có quyền yêu cầu bồi thường thiệt hại, bao gồm thiệt hại vật chất và thiệt hại tinh thần theo quy định tại Điều 584 đến Điều 592 của Bộ luật Dân sự 2015.

Như vậy, quyền của cá nhân đối với hình ảnh là quyền nhân thân gắn liền với mỗi cá nhân, nó có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với những người nổi tiếng, người làm trong lĩnh vực nghệ thuật, quảng cáo.

Bên cạnh quy định mang tính chất nền tảng trong Bộ luật Dân sự 2015, Việt Nam có nhiều văn bản pháp luật liên quan khác nhằm bảo vệ quyền đối với hình ảnh cá nhân, đặc biệt trong bối cảnh môi trường số phát triển mạnh mẽ.

*Luật an ninh mạng:* Trong môi trường số, hành vi sử dụng hình ảnh của người khác mà không có sự đồng ý có thể bị xử lý theo các quy định về quyền nhân thân trong Bộ luật Dân sự, đồng thời có thể áp dụng Luật an ninh mạng 2018 và các văn bản pháp luật liên quan đến quản lý thông tin trên không gian mạng. Luật an ninh mạng 2018 có một điều luật đặc biệt liên quan đến việc bảo vệ trẻ em khỏi những nội dung xấu, mặc dù không tập trung hoàn toàn vào hình ảnh nhưng điều luật này bao hàm cả việc ngăn chặn các hành vi xâm phạm, lạm dụng việc sử dụng hình ảnh, cụ thể: “*Trẻ em có quyền được bảo vệ, tiếp cận thông tin, tham gia hoạt động xã hội, vui chơi, giải trí, giữ bí mật cá nhân, đời sống riêng tư và các quyền khác khi tham gia trên không gian mạng.*”<sup>5</sup> Chủ quản hệ thống thông tin, doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trên mạng viễn thông, mạng Internet, các dịch vụ gia tăng trên không gian mạng có trách nhiệm kiểm soát nội dung thông tin trên hệ thống thông tin hoặc trên dịch vụ do doanh nghiệp cung cấp để không gây nguy hại cho trẻ em, xâm phạm đến trẻ em, quyền trẻ em; ngăn chặn việc chia sẻ và xóa bỏ thông tin có nội dung gây nguy hại cho trẻ em, xâm phạm đến trẻ em, quyền trẻ em; kịp thời thông báo, phối hợp với lực lượng chuyên trách bảo vệ an ninh mạng thuộc Bộ Công an để xử lý.

*Bộ luật Hình sự:* Bộ luật Hình sự 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017) quy định về tội làm nhục người khác, trong đó bao gồm việc sử dụng hình ảnh cá nhân để bôi nhọ, hạ

---

<sup>4</sup> Khoản 3 Điều 32 Bộ luật Dân sự 2015.

<sup>5</sup> Điều 29 Luật an ninh mạng 2018.

thấp danh dự, nhân phẩm người khác. Nếu việc sử dụng hình ảnh dẫn đến hậu quả nghiêm trọng, người vi phạm có thể bị phạt tiền hoặc thậm chí là án tù từ 3 tháng đến 2 năm. Nếu hành vi xâm phạm quyền đối với hình ảnh dẫn đến các hệ lụy nghiêm trọng như xúc phạm nhân phẩm, tinh thần hoặc gây tổn thất nghiêm trọng về mặt tâm lý cho nạn nhân, người vi phạm sẽ bị truy cứu trách nhiệm hình sự.<sup>6</sup>

*Luật báo chí:* Luật báo chí quy định rằng các cơ quan báo chí phải tôn trọng quyền riêng tư và hình ảnh cá nhân của các cá nhân. Việc đăng tải hình ảnh cá nhân phải có sự đồng ý của người đó, trừ các trường hợp đặc biệt được quy định trong luật. Nếu không, tổ chức báo chí hoặc cá nhân vi phạm sẽ bị xử lý theo pháp luật.<sup>7</sup>

*Luật Sở hữu trí tuệ:* Theo Luật Sở hữu trí tuệ 2005 (sửa đổi, bổ sung 2009, 2019 và 2022), tác giả có các quyền nhân thân đối với tác phẩm do mình sáng tạo ra. Tác phẩm được bảo hộ quyền tác giả bao gồm các tác phẩm văn học, nghệ thuật, khoa học; và về cơ bản tác phẩm được bảo hộ phải được thể hiện dưới dạng vật chất nhất định, trong đó bao hàm tồn tại dưới dạng hình ảnh “vật chất” như tác phẩm nhiếp ảnh, tác phẩm mỹ thuật, mỹ thuật ứng dụng. Tác phẩm dưới dạng hình ảnh có thể được coi là tài sản trí tuệ khi nó có tính nguyên gốc. Hành vi sử dụng tác phẩm dưới dạng hình ảnh mà không có sự đồng ý có thể coi là vi phạm quyền sở hữu trí tuệ và cá nhân có thể yêu cầu bồi thường.

Những quy định pháp luật trên cho thấy Việt Nam đã xây dựng một khung pháp lý tương đối hoàn chỉnh nhằm bảo vệ quyền đối với hình ảnh, đặc biệt là trong môi trường số. Các văn bản này không chỉ bảo vệ quyền riêng tư, danh dự và nhân phẩm của cá nhân mà còn tạo ra cơ chế xử lý vi phạm chặt chẽ, giúp ngăn chặn và xử lý các hành vi xâm phạm quyền đối với hình ảnh trên thực tế.

### **1.3.2. Quy định của pháp luật sở hữu trí tuệ về quyền đối với tác phẩm dưới dạng hình ảnh**

#### *1.3.2.1. Pháp luật Việt Nam về bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với hình ảnh*

##### *1.3.2.1.1. Khái quát chung về quyền sở hữu trí tuệ*

Khoản 1 Điều 4 Luật Sở hữu trí tuệ 2005 (sửa đổi, bổ sung 2009, 2019 và 2022), quy định “*Quyền sở hữu trí tuệ là quyền của tổ chức, cá nhân đối với tài sản trí tuệ, bao gồm quyền tác giả và quyền liên quan đến quyền tác giả, quyền sở hữu công nghiệp và*

---

<sup>6</sup> Điều 155 Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

<sup>7</sup> Điều 9 của Luật báo chí 2016, sửa đổi bổ sung năm 2018.

*quyền đối với giống cây trồng.*”. Quyền sở hữu trí tuệ (SHTT) là một thuật ngữ pháp lý quan trọng, nhằm bảo vệ các sản phẩm của sự sáng tạo, trí tuệ con người; các đối tượng quyền SHTT được coi là tài sản vô hình. Mục đích của quyền SHTT là khuyến khích sự sáng tạo và đổi mới trong xã hội bằng cách cung cấp cho người sáng tạo quyền kiểm soát việc sử dụng, phân phối và khai thác sản phẩm trí tuệ của họ. Quyền SHTT giúp tạo động lực cho cá nhân và tổ chức trong việc đầu tư thời gian, công sức và tài chính vào việc phát triển các ý tưởng mới, đồng thời bảo vệ quyền lợi kinh tế của họ trước sự sao chép và khai thác, sử dụng trái phép. Theo pháp luật Việt Nam, quyền SHTT được chia thành ba nhóm chính gồm quyền tác giả và quyền liên quan, quyền sở hữu công nghiệp và quyền đối với giống cây trồng.

Quyền tác giả bảo vệ các tác phẩm văn học, nghệ thuật và khoa học. Người sáng tạo có quyền độc quyền sử dụng tác phẩm của mình, cũng như quyền kiểm soát việc sao chép và phân phối. Quyền này thường kéo dài trong suốt cuộc đời của tác giả cộng thêm một khoảng thời gian nhất định sau khi tác giả qua đời, nhằm bảo vệ lợi ích cho gia đình hoặc người thừa kế. Quyền liên quan ghi nhận quyền lợi chính đáng cho người biểu diễn, nhà sản xuất bản ghi âm, ghi hình, tổ chức phát sóng.

Quyền sở hữu công nghiệp bao gồm quyền đối với sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu, tên thương mại, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn, chỉ dẫn địa lý, bí mật kinh doanh. Quyền đối với sáng chế bảo vệ các phát minh mới, các giải pháp kỹ thuật; cho phép nhà sáng chế độc quyền khai thác sáng chế trong thời gian tối đa 20 năm. Nhãn hiệu, tên thương mại, kiểu dáng công nghiệp, bí mật kinh doanh, ... giúp bảo vệ thương hiệu và hình thức của sản phẩm, tạo sự khác biệt với các sản phẩm của đối thủ cạnh tranh. Chỉ dẫn địa lý bảo vệ sản phẩm có nguồn gốc từ một khu vực cụ thể, thể hiện chất lượng hoặc danh tiếng đặc trưng, như rượu vang Bordeaux hay chè xanh Thái Nguyên.

Quyền đối với giống cây trồng là một hình thức quyền sở hữu trí tuệ đặc thù, bảo vệ các giống cây trồng mới được phát triển qua quá trình lai tạo và nghiên cứu. Quyền này đảm bảo rằng các nhà lai tạo có thể thu hồi vốn đầu tư cho các dự án nghiên cứu giống cây trồng mới, đồng thời khuyến khích sự phát triển trong ngành nông nghiệp.

Việc bảo vệ quyền SHTT không chỉ mang lại lợi ích cho người sáng tạo mà còn có tác động tích cực đến nền kinh tế và xã hội. Nó thúc đẩy sự cạnh tranh lành mạnh, tăng cường chất lượng sản phẩm và dịch vụ, đồng thời bảo vệ quyền lợi của người tiêu

dùng. Tuy nhiên, thách thức lớn nhất hiện nay là việc vi phạm quyền SHTT diễn ra phổ biến, đặc biệt trong bối cảnh công nghệ thông tin phát triển và toàn cầu hóa.

Ở Việt Nam, quyền SHTT được quy định trong Luật Sở hữu trí tuệ 2005 (sửa đổi, bổ sung 2009, 2019 và 2022) và các văn bản hướng dẫn thi hành. Việt Nam cũng là thành viên của nhiều điều ước quốc tế về quyền SHTT, điều này thể hiện cam kết của nước ta trong việc bảo vệ và phát triển quyền sở hữu trí tuệ, góp phần nâng cao vị thế trên trường quốc tế và khuyến khích sự phát triển kinh tế bền vững, hội nhập với bạn bè quốc tế.

#### *1.3.2.1.2. Quyền sở hữu trí tuệ đối hình ảnh*

Pháp luật SHTT là một trong những thành phần quan trọng trong khung pháp lý bảo vệ quyền đối với hình ảnh hiện nay. Quyền SHTT đối với hình ảnh trong môi trường số tại Việt Nam là một vấn đề ngày càng trở nên quan trọng trong bối cảnh công nghệ thông tin phát triển mạnh mẽ và sự gia tăng sử dụng internet. Quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến hình ảnh là một phần quan trọng trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ, bao gồm việc bảo vệ các hình ảnh, tác phẩm nghệ thuật, biểu tượng và thương hiệu. Những quyền này giúp đảm bảo rằng các cá nhân và tổ chức có thể kiểm soát và hưởng lợi từ các sản phẩm sáng tạo của mình. Hình ảnh, bao gồm ảnh chụp, đồ họa, biểu tượng và cả hình ảnh trong video, có thể được bảo vệ bởi quyền tác giả và quyền sở hữu công nghiệp, tùy thuộc vào tính chất và cách thức sử dụng. Trong số ba nhóm đối tượng của quyền SHTT, hình ảnh liên quan chủ yếu đến quyền tác giả và quyền đối với nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý (bởi lẽ nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý tồn tại dưới dạng dấu hiệu và đa phần là dấu hiệu hình ảnh).

Theo Luật Sở hữu trí tuệ Việt Nam, quyền tác giả được áp dụng cho những tác phẩm mang tính sáng tạo, có tính nguyên gốc. Quyền tác giả tồn tại ngay khi tác phẩm được tạo ra mà không cần phải đăng ký, tuy nhiên thì việc tác giả đăng ký quyền tác giả đối với tác phẩm của mình là việc nên làm để hưởng trọn vẹn lợi ích mang lại. Việc đăng ký giúp tác giả chứng minh quyền sở hữu đối với tác phẩm của mình trong trường hợp xảy ra tranh chấp, bảo vệ quyền lợi nếu xuất hiện hành vi xâm phạm quyền tác giả. Theo Luật Sở hữu trí tuệ Việt Nam, quyền tác giả bảo vệ các tác phẩm sáng tạo như hình ảnh, video. Điều này có nghĩa là người sáng tạo có độc quyền sử dụng hình ảnh do mình tạo ra, bao gồm việc sao chép, phân phối, ... Đối với hình ảnh được sử dụng trong thương mại, quyền sở hữu công nghiệp có thể áp dụng. Ví dụ, hình ảnh có thể được đăng ký làm nhãn hiệu hoặc kiểu dáng công nghiệp để bảo vệ thương hiệu của một sản phẩm hoặc

dịch vụ. Quyền này giúp ngăn chặn việc sử dụng trái phép hình ảnh trong quảng cáo hoặc các sản phẩm khác mà không có sự cho phép của chủ sở hữu.

Tuy nhiên, trong khuôn khổ khoá luận này, tác giả chỉ tập trung phân tích quyền đối với hình ảnh ở khía cạnh quyền tác giả.

### ***a) Hình ảnh - đối tượng bảo hộ của quyền tác giả, quyền liên quan***

Hình ảnh là một trong những đối tượng chính được bảo hộ bởi quyền tác giả và quyền liên quan theo Luật Sở hữu trí tuệ Việt Nam. Theo quy định pháp luật, quyền tác giả là quyền của tổ chức, cá nhân đối với các tác phẩm do họ sáng tạo hoặc sở hữu. Và các loại hình tác phẩm được bảo hộ quy định chi tiết tại Điều 14 Luật SHTT 2005 (sửa đổi, bổ sung 2009, 2019 và 2022); theo đó:

*“Tác phẩm văn học, nghệ thuật và khoa học được bảo hộ bao gồm:*

*a) Tác phẩm văn học, khoa học, sách giáo khoa, giáo trình và tác phẩm khác được thể hiện dưới dạng chữ viết hoặc ký tự khác;*

*b) Bài giảng, bài phát biểu và bài nói khác;*

*c) Tác phẩm báo chí;*

*d) Tác phẩm âm nhạc;*

*đ) Tác phẩm sân khấu;*

*e) Tác phẩm điện ảnh và tác phẩm được tạo ra theo phương pháp tương tự (sau đây gọi chung là tác phẩm điện ảnh);*

*g) Tác phẩm mỹ thuật, mỹ thuật ứng dụng;*

*h) Tác phẩm nhiếp ảnh;*

*i) Tác phẩm kiến trúc;*

*k) Bản họa đồ, sơ đồ, bản đồ, bản vẽ liên quan đến địa hình, kiến trúc, công trình khoa học;*

*l) Tác phẩm văn học, nghệ thuật dân gian;*

*m) Chương trình máy tính, sưu tập dữ liệu.”*

Quyền tác giả bảo vệ các tác phẩm thể hiện dưới dạng hình ảnh, theo như quy định trên thì hình ảnh có thể được ghi nhận bảo hộ dưới dạng tác phẩm nhiếp ảnh, tác phẩm mỹ thuật, mỹ thuật ứng dụng. Điều 6 Nghị định 17/2023/NĐ-CP cụ thể hoá tác phẩm nhiếp ảnh, tác phẩm mỹ thuật, mỹ thuật ứng dụng như sau:

*Tác phẩm nhiếp ảnh là tác phẩm thể hiện hình ảnh thế giới khách quan trên vật liệu bất sáng hoặc trên phương tiện mà hình ảnh được tạo ra, hay có thể được tạo ra bằng*

các phương pháp hóa học, điện tử hoặc phương pháp kỹ thuật khác. Tác phẩm nhiếp ảnh có thể có chú thích hoặc không có chú thích.<sup>8</sup>

*Tác phẩm mỹ thuật* là tác phẩm được thể hiện bởi đường nét, màu sắc, hình khối, bố cục bao gồm: Hội họa: Tranh sơn mài, sơn dầu, lụa, bột màu, màu nước, giấy dó và các chất liệu khác; Đồ họa: Tranh khắc gỗ, khắc kim loại, khắc cao su, khắc thạch cao, in độc bản, in đá, in lưới, tranh cổ động, thiết kế đồ họa và các chất liệu khác; Điêu khắc: Tượng, tượng đài, phù điêu, đài, khối biểu tượng; Nghệ thuật sắp đặt và các hình thức thể hiện nghệ thuật đương đại khác.<sup>9</sup>

*Tác phẩm mỹ thuật ứng dụng* là tác phẩm được thể hiện bởi đường nét, màu sắc, hình khối, bố cục với tính năng hữu ích, có thể gắn liền với một đồ vật hữu ích, được sản xuất thủ công hoặc công nghiệp bao gồm: Thiết kế đồ họa (hình thức thể hiện của biểu trưng, bộ nhận diện và bao bì sản phẩm; hình thức thể hiện của nhân vật); thiết kế thời trang; thiết kế mang tính mỹ thuật gắn liền với tạo dáng sản phẩm; thiết kế nội thất, trang trí nội thất, ngoại thất mang tính mỹ thuật. Tác phẩm mỹ thuật ứng dụng được thể hiện dưới dạng tạo dáng sản phẩm mang tính mỹ thuật, không thể được tạo ra một cách dễ dàng đối với người có hiểu biết trung bình trong lĩnh vực tương ứng và không bao gồm tạo dáng bên ngoài của sản phẩm bắt buộc phải có để thực hiện chức năng của sản phẩm.<sup>10</sup>

Bên cạnh quyền tác giả, quyền liên quan cũng đóng vai trò quan trọng trong việc bảo vệ hình ảnh, đặc biệt là trong các bản ghi âm, ghi hình và chương trình phát sóng có chứa hình ảnh. “*Quyền liên quan đến quyền tác giả (sau đây gọi là quyền liên quan) là quyền của tổ chức, cá nhân đối với cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng, tín hiệu vệ tinh mang chương trình được mã hóa.*”<sup>11</sup> Điều này không chỉ bảo vệ quyền lợi của các nghệ sĩ và nhà sản xuất mà còn tạo ra một khung pháp lý rõ ràng cho việc sử dụng hình ảnh trong các phương tiện truyền thông.

---

<sup>8</sup> Khoản 9 Điều 6 Nghị định 17/2023/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật sở hữu trí tuệ về quyền tác giả, quyền liên quan.

<sup>9</sup> Khoản 7 Điều 6 Nghị định 17/2023/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật sở hữu trí tuệ về quyền tác giả, quyền liên quan.

<sup>10</sup> Khoản 8 Điều 6 Nghị định 17/2023/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật sở hữu trí tuệ về quyền tác giả, quyền liên quan.

<sup>11</sup> Khoản 3 điều 4 Luật Sở hữu trí tuệ 2005, sửa đổi bổ sung năm 2009, 2019, 2022.

Như vậy, quyền tác giả và quyền liên quan đều có vai trò quan trọng trong việc bảo vệ hình ảnh, góp phần thúc đẩy sự sáng tạo và bảo vệ quyền lợi của người sáng tạo trong môi trường số hiện đại.

### ***b) Chủ thể quyền tác giả, quyền liên quan***

Là những cá nhân, tổ chức được pháp luật công nhận có quyền đối với tác phẩm hoặc sản phẩm liên quan đến quyền tác giả, quyền liên quan.

#### **• *Chủ thể quyền tác giả***

Gồm tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả.

*Tác giả* là người trực tiếp sáng tạo tác phẩm. Trường hợp có từ hai người trở lên cùng trực tiếp sáng tạo tác phẩm với chủ ý là sự đóng góp của họ được kết hợp thành một tổng thể hoàn chỉnh thì những người đó là các đồng tác giả.

*Chủ sở hữu quyền tác giả:*

*Chủ sở hữu quyền tác giả là tác giả:* Tác giả sử dụng thời gian, tài chính, cơ sở vật chất - kỹ thuật của mình để sáng tạo ra tác phẩm có các quyền nhân thân quy định tại Điều 19 và các quyền tài sản quy định tại Điều 20 của Luật SHTT 2005 (sửa đổi, bổ sung 2009, 2019 và 2022).

*Chủ sở hữu quyền tác giả là các đồng tác giả:* Các đồng tác giả sử dụng thời gian, tài chính, cơ sở vật chất - kỹ thuật của mình để cùng sáng tạo ra tác phẩm có chung các quyền quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Luật SHTT 2005 (sửa đổi, bổ sung 2009, 2019 và 2022) đối với tác phẩm đó.

*Chủ sở hữu quyền tác giả là tổ chức, cá nhân giao nhiệm vụ cho tác giả hoặc giao kết hợp đồng với tác giả:* Tổ chức giao nhiệm vụ sáng tạo tác phẩm cho tác giả là người thuộc tổ chức mình là chủ sở hữu các quyền quy định tại Điều 20 và khoản 3 Điều 19 của Luật SHTT 2005 (sửa đổi, bổ sung 2009, 2019 và 2022), trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

*Chủ sở hữu quyền tác giả là người thừa kế:* Tổ chức, cá nhân được thừa kế quyền tác giả theo quy định của pháp luật về thừa kế là chủ sở hữu các quyền quy định tại Điều 20 và khoản 3 Điều 19 của Luật SHTT 2005 (sửa đổi, bổ sung 2009, 2019 và 2022).

*Chủ sở hữu quyền tác giả là người được chuyển giao quyền:* Tổ chức, cá nhân được chuyển giao một, một số hoặc toàn bộ quyền quy định tại khoản 3 Điều 19 và khoản 1 Điều 20 của Luật SHTT 2005 (sửa đổi, bổ sung 2009, 2019 và 2022) theo thỏa thuận trong hợp đồng là chủ sở hữu quyền tác giả.

*Chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan là Nhà nước:* Tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng được sáng tạo do cơ quan sử dụng ngân sách nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ, đấu thầu; Tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng được chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan, đồng chủ sở hữu quyền tác giả, đồng chủ sở hữu quyền liên quan chuyển giao quyền tác giả, quyền liên quan cho Nhà nước; Tác phẩm, cuộc biểu diễn, bản ghi âm, ghi hình, chương trình phát sóng trong thời hạn bảo hộ mà chủ sở hữu quyền tác giả, chủ sở hữu quyền liên quan, đồng chủ sở hữu quyền tác giả, đồng chủ sở hữu quyền liên quan chết không có người thừa kế; người thừa kế từ chối nhận di sản hoặc không được quyền hưởng di sản.

Chủ thể quyền tác giả và quyền liên quan đều có vai trò quan trọng trong hệ thống bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ. Tác giả và tổ chức sáng tạo có quyền kiểm soát và hưởng lợi từ các tác phẩm của mình, trong khi người biểu diễn, nhà sản xuất và tổ chức phát sóng cũng có quyền bảo vệ sản phẩm liên quan mà họ tham gia vào quá trình sáng tạo hoặc sản xuất. Sự phân định rõ ràng giữa các chủ thể này giúp đảm bảo sự công bằng và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của tất cả những người tham gia vào quá trình sáng tạo nội dung, từ đó thúc đẩy sự phát triển bền vững của nền kinh tế sáng tạo.

- ***Chủ thể quyền liên quan***

Chủ sở hữu quyền liên quan bao gồm:

*Người biểu diễn* sử dụng thời gian, đầu tư tài chính và cơ sở vật chất - kỹ thuật của mình để thực hiện cuộc biểu diễn là chủ sở hữu quyền đối với cuộc biểu diễn đó, trừ trường hợp có thỏa thuận khác với bên liên quan;

*Nhà sản xuất bản ghi âm, ghi hình* sử dụng thời gian, đầu tư tài chính và cơ sở vật chất - kỹ thuật của mình để sản xuất bản ghi âm, ghi hình là chủ sở hữu quyền đối với bản ghi âm, ghi hình đó, trừ trường hợp có thỏa thuận khác với bên liên quan;

*Tổ chức phát sóng* là chủ sở hữu quyền đối với chương trình phát sóng của mình, trừ trường hợp có thỏa thuận khác với bên liên quan.

- c) ***Nội dung quyền tác giả, quyền liên quan***

Quyền tác giả và quyền liên quan là hai khái niệm chính trong lĩnh vực sở hữu trí tuệ, mỗi khái niệm mang những đặc điểm và nội dung riêng. Quyền tác giả bảo vệ các tác phẩm nghệ thuật, văn học, khoa học, và các sản phẩm sáng tạo khác. Điều này giúp khuyến khích sự sáng tạo và đổi mới trong xã hội bằng cách đảm bảo rằng các tác giả

có thể hưởng lợi từ những gì họ đã tạo ra. Thời hạn bảo vệ thường kéo dài trong suốt cuộc đời tác giả và thêm một khoảng thời gian nhất định (ví dụ: 50 hoặc 70 năm) sau khi tác giả qua đời.

Quyền tác giả bao gồm hai loại quyền cơ bản là quyền nhân thân và quyền tài sản.

*Quyền nhân thân bao gồm các quyền sau:*

(i) Đặt tên cho tác phẩm. Tác giả có quyền chuyển quyền sử dụng quyền đặt tên tác phẩm cho tổ chức, cá nhân nhận chuyển giao quyền tài sản quy định tại khoản 1 Điều 20 của Luật 2005 (sửa đổi, bổ sung 2009, 2019 và 2022);

(ii) Đứng tên thật hoặc bút danh trên tác phẩm; được nêu tên thật hoặc bút danh khi tác phẩm được công bố, sử dụng;

(iii) Công bố tác phẩm hoặc cho phép người khác công bố tác phẩm;

(iv) Bảo vệ sự toàn vẹn của tác phẩm không cho người khác xuyên tạc; không cho người khác sửa đổi, cắt xén tác phẩm dưới bất kỳ hình thức nào gây phương hại đến danh dự và uy tín của tác giả.”

*Quyền tài sản bao gồm các quyền sau:*

(i) Làm tác phẩm phái sinh;

(ii) Biểu diễn tác phẩm trước công chúng trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua các bản ghi âm, ghi hình hoặc bất kỳ phương tiện kỹ thuật nào tại địa điểm mà công chúng có thể tiếp cận được nhưng công chúng không thể tự do lựa chọn thời gian và từng phần tác phẩm;

(iii) Sao chép trực tiếp hoặc gián tiếp toàn bộ hoặc một phần tác phẩm bằng bất kỳ phương tiện hay hình thức nào, trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản 3 Điều này;

(iv) Phân phối, nhập khẩu để phân phối đến công chúng thông qua bán hoặc hình thức chuyển giao quyền sở hữu khác đối với bản gốc, bản sao tác phẩm dưới dạng hữu hình, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 3 Điều này;

(v) Phát sóng, truyền đạt đến công chúng tác phẩm bằng phương tiện hữu tuyến, vô tuyến, mạng thông tin điện tử hoặc bất kỳ phương tiện kỹ thuật nào khác, bao gồm cả việc cung cấp tác phẩm đến công chúng theo cách mà công chúng có thể tiếp cận được tại địa điểm và thời gian do họ lựa chọn;

(vi) Cho thuê bản gốc hoặc bản sao tác phẩm điện ảnh, chương trình máy tính, trừ trường hợp chương trình máy tính đó không phải là đối tượng chính của việc cho thuê.”

Quyền liên quan là quyền của các tổ chức và cá nhân đối với các sản phẩm có chứa hình ảnh, âm thanh hoặc hình thức thể hiện khác, nhưng không phải là tác phẩm sáng tạo. Quyền liên quan bảo vệ quyền lợi của những người biểu diễn, nhà sản xuất bản ghi âm, ghi hình và tổ chức phát sóng. Những chủ thể này có quyền kiểm soát việc sử dụng các sản phẩm mà họ tham gia, đảm bảo rằng họ được công nhận và hưởng lợi từ sự sáng tạo của mình.

Tương tự như quyền tác giả, quyền liên quan cũng bao hàm các quyền tài sản, cho phép các chủ thể kiểm soát việc định hình, sao chép, phân phối, nhập khẩu để phân phối, cho thuê thương mại, phát sóng, truyền đạt đến công chúng, ... các sản phẩm của họ<sup>12</sup>. Riêng đối với người biểu diễn còn có thêm quyền nhân thân: (i) Được giới thiệu tên khi biểu diễn, khi phát hành bản ghi âm, ghi hình, phát sóng cuộc biểu diễn; (ii) Bảo vệ sự toàn vẹn của hình tượng biểu diễn không cho người khác xuyên tạc; không cho người khác sửa đổi, cắt xén dưới bất kỳ hình thức nào gây phương hại đến danh dự và uy tín của người biểu diễn.

#### ***d) Hành vi xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan***

Hành vi xâm phạm quyền tác giả và quyền liên quan là những hành vi gây tổn hại đến quyền lợi của các chủ thể sáng tạo và có liên quan. Việc xác định xâm phạm dựa vào sự đồng ý của chủ sở hữu quyền, hình thức sử dụng, mục đích sử dụng và tính chất tác phẩm, có thể được hiểu là bất kỳ hành động nào sử dụng tác phẩm mà không có sự đồng ý của tác giả hoặc chủ sở hữu quyền tác giả. Hành vi xâm phạm quyền tác giả được quy định tại Điều 28 Luật SHTT 2005 (sửa đổi, bổ sung 2009, 2019 và 2022), bao gồm các hành vi:

- (i) Xâm phạm quyền nhân thân quy định tại Điều 19 của Luật SHTT.
- (ii) Xâm phạm quyền tài sản quy định tại Điều 20 của Luật SHTT.
- (iii) Không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ quy định tại các điều 25, 25a và 26 của Luật SHTT.

---

<sup>12</sup> Điều 29, 30, 31 Luật sở hữu trí tuệ 2005, sửa đổi bổ sung năm 2009, 2019, 2022.

(iv) Cố ý hủy bỏ hoặc làm vô hiệu biện pháp công nghệ hữu hiệu do tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả thực hiện để bảo vệ quyền tác giả đối với tác phẩm của mình nhằm thực hiện hành vi quy định tại Điều này và Điều 35 của Luật SHTT.

(v) Sản xuất, phân phối, nhập khẩu, chào bán, bán, quảng bá, quảng cáo, tiếp thị, cho thuê hoặc tàng trữ nhằm mục đích thương mại các thiết bị, sản phẩm hoặc linh kiện, giới thiệu hoặc cung cấp dịch vụ khi biết hoặc có cơ sở để biết thiết bị, sản phẩm, linh kiện hoặc dịch vụ đó được sản xuất, sử dụng nhằm vô hiệu hóa biện pháp công nghệ hữu hiệu bảo vệ quyền tác giả.

(vi) Cố ý xóa, gỡ bỏ hoặc thay đổi thông tin quản lý quyền mà không được phép của tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả khi biết hoặc có cơ sở để biết việc thực hiện hành vi đó sẽ xúi giục, tạo khả năng, tạo điều kiện thuận lợi hoặc che giấu hành vi xâm phạm quyền tác giả theo quy định của pháp luật.

(vii) Cố ý phân phối, nhập khẩu để phân phối, phát sóng, truyền đạt hoặc cung cấp đến công chúng bản sao tác phẩm khi biết hoặc có cơ sở để biết thông tin quản lý quyền đã bị xóa, gỡ bỏ, thay đổi mà không được phép của chủ sở hữu quyền tác giả; khi biết hoặc có cơ sở để biết việc thực hiện hành vi đó sẽ xúi giục, tạo khả năng, tạo điều kiện thuận lợi hoặc che giấu hành vi xâm phạm quyền tác giả theo quy định của pháp luật.

(viii) Không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ quy định để được miễn trừ trách nhiệm pháp lý của doanh nghiệp cung cấp dịch vụ trung gian quy định tại khoản 3 Điều 198b của Luật SHTT.”

Các hành vi xâm phạm quyền liên quan cũng tương tự các hành vi xâm phạm quyền tác giả, được quy định cụ thể tại Điều 35 Luật SHTT 2005 (sửa đổi, bổ sung 2009, 2019 và 2022).

Để xác định một hành vi có phải là hành vi xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan hay không, cần xem xét toàn diện các căn cứ sau:

*Một là, đối tượng bị xem xét thuộc phạm vi các đối tượng đang được bảo hộ quyền tác giả, quyền liên quan:* Tác phẩm được bảo hộ quyền tác giả quy định tại Điều 14 của Luật Sở hữu trí tuệ; các đối tượng được bảo hộ quyền liên quan quy định tại Điều 17 của Luật Sở hữu trí tuệ 2005 (sửa đổi, bổ sung 2009, 2019 và 2022),.

*Hai là, có yếu tố xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan trong đối tượng bị xem xét.*

Ba là, người thực hiện hành vi bị xem xét không phải là chủ thể quyền tác giả, quyền liên quan, trừ trường hợp đồng tác giả, đồng chủ sở hữu quyền tác giả, đồng chủ sở hữu quyền liên quan thực hiện hành vi xâm phạm với các đồng tác giả, đồng chủ sở hữu quyền tác giả, đồng chủ sở hữu quyền liên quan còn lại và không phải là người được pháp luật hoặc cơ quan có thẩm quyền cho phép theo quy định tại khoản 3 Điều 20, khoản 5 Điều 29, khoản 3 Điều 30, khoản 3 Điều 31 và các điều 25, 25a, 26, 32 và 33 của Luật Sở hữu trí tuệ 2005 (sửa đổi, bổ sung 2009, 2019 và 2022),.

Bốn là, hành vi bị xem xét xảy ra tại Việt Nam. Hành vi bị xem xét cũng bị coi là xảy ra tại Việt Nam nếu hành vi đó xảy ra trên môi trường mạng viễn thông và mạng Internet mà người tiêu dùng hoặc người khai thác, sử dụng nội dung thông tin số tại Việt Nam.<sup>13</sup>

#### ***e) Các biện pháp bảo vệ quyền tác giả, quyền liên quan***

Bảo vệ quyền tác giả, quyền liên quan có vai trò quan trọng trong việc thúc đẩy sự sáng tạo và đảm bảo công bằng cho các chủ thể sáng tạo. Các biện pháp bảo vệ quyền tác giả và quyền liên quan rất đa dạng và bao gồm cả biện pháp pháp lý lẫn thực tiễn. Các quy định của Luật sở hữu trí tuệ cung cấp khung pháp lý bảo vệ quyền tác giả, quyền liên quan bằng cách xác định rõ các hành vi xâm phạm và các chế tài xử lý.

Chủ thể quyền sở hữu trí tuệ có quyền áp dụng các biện pháp sau đây để bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ của mình: (i) Áp dụng biện pháp công nghệ bảo vệ quyền, đưa thông tin quản lý quyền hoặc áp dụng các biện pháp công nghệ khác nhằm ngăn ngừa hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ; (ii) Yêu cầu tổ chức, cá nhân có hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ phải chấm dứt hành vi xâm phạm, gỡ bỏ và xóa nội dung vi phạm trên môi trường mạng viễn thông và mạng Internet, xin lỗi, cải chính công khai, bồi thường thiệt hại; (iii) Yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan; (iv) Khởi kiện ra tòa án hoặc trọng tài để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình.<sup>14</sup>

Theo quy định tại Điều 57 Nghị định 17/2023/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật sở hữu trí tuệ về quyền tác giả, quyền liên quan, tổ chức, cá nhân có hành vi xâm phạm quyền tác giả, quyền liên quan của tổ chức, cá nhân khác

---

<sup>13</sup> Điều 64 Nghị định 17/2023 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật sở hữu trí tuệ về quyền tác giả, quyền liên quan.

<sup>14</sup> Điều 198 Luật sở hữu trí tuệ 2005, sửa đổi bổ sung năm 2009, 2019, 2022.

thì tùy theo tính chất, mức độ xâm phạm có thể bị xử lý bằng biện pháp dân sự, hành chính hoặc hình sự theo quy định tại Phần thứ năm (Bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ) của Luật Sở hữu trí tuệ và theo quy định sau đây:

*Biện pháp dân sự* được áp dụng để xử lý hành vi xâm phạm theo yêu cầu của chủ thể quyền tác giả, quyền liên quan hoặc của tổ chức, cá nhân bị thiệt hại do hành vi xâm phạm gây ra, kể cả khi hành vi đó đã hoặc đang bị xử lý bằng biện pháp hành chính hoặc biện pháp hình sự. Thủ tục yêu cầu áp dụng biện pháp dân sự, thẩm quyền, trình tự, thủ tục áp dụng biện pháp dân sự tuân theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự hoặc trọng tài.

*Biện pháp hành chính* được áp dụng để xử lý hành vi xâm phạm thuộc một trong các trường hợp quy định tại Điều 211 của Luật Sở hữu trí tuệ 2005 (sửa đổi, bổ sung 2009, 2019 và 2022),, theo yêu cầu của chủ thể quyền tác giả, quyền liên quan, tổ chức, cá nhân bị thiệt hại do hành vi xâm phạm gây ra, tổ chức, cá nhân phát hiện hành vi xâm phạm hoặc do cơ quan có thẩm quyền chủ động phát hiện. Hình thức, mức phạt, thẩm quyền, thủ tục xử phạt hành vi xâm phạm và các biện pháp khắc phục hậu quả tuân theo quy định của Luật Sở hữu trí tuệ và pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực quyền tác giả, quyền liên quan.

*Biện pháp hình sự* được áp dụng để xử lý hành vi xâm phạm trong trường hợp hành vi đó có đủ yếu tố cấu thành tội phạm theo quy định của Bộ luật Hình sự. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục áp dụng biện pháp hình sự tuân theo quy định của pháp luật về tố tụng hình sự.

*Ngoài ra, còn có biện pháp kiểm soát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu liên quan đến sở hữu trí tuệ.* Các biện pháp kiểm soát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu liên quan đến sở hữu trí tuệ bao gồm: Tạm dừng làm thủ tục hải quan đối với hàng hóa bị nghi ngờ xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ; Kiểm tra, giám sát để phát hiện hàng hóa có dấu hiệu xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ<sup>15</sup>. Biện pháp này được quy định cụ thể trong Luật sở hữu trí tuệ, Luật hải quan.

Tại Việt Nam, việc xác định giá trị tài sản trí tuệ (TSTT) và giải quyết các tranh chấp liên quan đến tài sản trí tuệ thường được thực hiện bởi cơ quan có thẩm quyền, chủ

---

<sup>15</sup> Điều 216 Luật sở hữu trí tuệ 2005, sửa đổi bổ sung năm 2009, 2019, 2022.

yếu là Tòa án nhân dân và các tổ chức trọng tài thương mại, cùng với sự hỗ trợ từ các tổ chức định giá chuyên nghiệp.

*Cục Sở hữu trí tuệ (SHTT):* Đây là cơ quan thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ, có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu trí tuệ và quản lý các vấn đề liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ.

*Tòa án nhân dân:* Khi có tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ không thể giải quyết thông qua thương lượng hoặc hòa giải, các bên có thể khởi kiện tại Tòa án. Tòa án sẽ giải quyết các vụ việc tranh chấp liên quan đến quyền sở hữu trí tuệ, bao gồm xác định giá trị tài sản trí tuệ trong các vụ án.

*Trung tâm trọng tài thương mại:* Đối với các tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ có thể giải quyết bằng hình thức trọng tài, các bên có thể yêu cầu Trung tâm trọng tài thương mại giải quyết. Trung tâm trọng tài sẽ có khả năng xác định giá trị tài sản trí tuệ trong bối cảnh tranh chấp.

*Các tổ chức định giá tài sản:* Ngoài các cơ quan nhà nước, có nhiều tổ chức, doanh nghiệp chuyên cung cấp dịch vụ định giá tài sản trí tuệ. Các tổ chức này sẽ thực hiện việc định giá dựa trên các tiêu chí và phương pháp phù hợp với pháp luật và thực tiễn.

#### *1.3.2.2. Pháp luật quốc tế về bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến hình ảnh*

Pháp luật quốc tế về bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ được thiết lập qua các hiệp định, công ước và tổ chức quốc tế, giúp đảm bảo quyền lợi của các tác giả, nhà sản xuất và người biểu diễn, tạo ra một môi trường thuận lợi cho sự sáng tạo và phát triển kinh tế.

*Công ước về bảo hộ các tác phẩm văn học và nghệ thuật Berne (Berne Convention for Protection of Literary and Artistic Works - 1886):* là một trong những hiệp định quan trọng nhất trong lĩnh vực bảo hộ quyền tác giả. Công ước này quy định rằng các tác phẩm nghệ thuật, bao gồm tác phẩm nhiếp ảnh và hình ảnh, được bảo vệ ngay khi chúng được sáng tạo mà không cần đăng ký. Các điểm chính của Công ước Berne bao gồm: Nguyên tắc “Quốc gia đối xử tối thiểu” - các quốc gia thành viên phải công nhận quyền tác giả đối với tác phẩm của các tác giả từ các quốc gia khác. Thời gian bảo vệ quyền tác giả thường kéo dài trong suốt cuộc đời tác giả cộng với 50 năm (hoặc 70 năm tùy theo quy định của từng nước). Công ước bảo vệ cả quyền nhân thân

(quyền được công nhận tác giả) và quyền tài sản (quyền sao chép, phân phối, và công bố tác phẩm).

*Hiệp định về các khía cạnh liên quan đến Thương mại của Quyền Sở hữu Trí tuệ TRIPS (Trade-Related Aspects of Intellectual Property Rights):* là một phần của Hiệp định thành lập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) và thiết lập các tiêu chuẩn toàn cầu về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, bao gồm quyền tác giả. Hiệp định yêu cầu các thành viên phải bảo vệ quyền tác giả và các quyền liên quan phù hợp với các tiêu chuẩn của Công ước Berne. Hiệp định TRIPS cũng đề cập đến các biện pháp thực thi quyền sở hữu trí tuệ, yêu cầu các quốc gia thành viên phải có các quy định pháp luật rõ ràng và hiệu quả để ngăn chặn hành vi xâm phạm quyền tác giả.

*Công ước Rome (1961) về bảo hộ quyền của người biểu diễn, nhà sản xuất bản ghi và tổ chức phát sóng:* Công ước quy định quyền của người biểu diễn đối với các bản ghi hình và cho phép họ kiểm soát việc sử dụng hình ảnh của mình trong các sản phẩm. Nhà sản xuất các bản ghi âm và ghi hình cũng được bảo vệ quyền lợi liên quan đến việc sao chép và phân phối sản phẩm của họ.

Ngoài các công ước và hiệp định đã nêu, có nhiều tổ chức và thỏa thuận quốc tế khác cũng đóng vai trò quan trọng trong việc bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến hình ảnh, bao gồm:

*Hiệp ước về quyền tác giả của Tổ chức Sở hữu trí tuệ Thế giới – WCT (WIPO Copyright Treaty):* WIPO là cơ quan của Liên Hợp Quốc chuyên về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, cung cấp các dịch vụ đăng ký và giải quyết tranh chấp liên quan đến quyền tác giả và quyền liên quan.

*Công ước Geneva:* Bảo vệ quyền của tổ chức phát sóng, giúp họ bảo vệ nội dung hình ảnh trong các chương trình phát sóng.

Pháp luật về bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ đối với hình ảnh ở các nước khác nhau có nhiều điểm tương đồng và cũng có sự khác biệt... Ngoài ra còn có nhiều quốc gia trên thế giới đã xây dựng hệ thống pháp luật riêng về bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, bao gồm quyền tác giả và quyền liên quan đối với hình ảnh. Các quốc gia thường xuyên cập nhật và điều chỉnh các quy định để phù hợp với tình hình thực tế và sự phát triển nhanh chóng của công nghệ.

*Chỉ thị về quyền tác giả trong thị trường số (Directive on Copyright in the Digital Single Market):* chỉ thị của Liên minh Châu Âu, nhằm cập nhật và củng cố các quy định

về quyền tác giả trong môi trường số, bảo vệ quyền lợi của tác giả và nhà sản xuất nội dung trong việc sử dụng hình ảnh và nội dung số khác. Các nước thành viên Liên minh Châu Âu đều cam kết tuân thủ các quy định của Công ước Berne về quyền tác giả.

*Luật Bản quyền (Copyright Act) ở Hoa Kỳ:* bảo vệ quyền tác giả đối với các tác phẩm sáng tạo, bao gồm hình ảnh, nhiếp ảnh và tác phẩm mỹ thuật. Quyền tác giả phát sinh ngay khi tác phẩm được tạo ra và không cần phải đăng ký, nhưng việc đăng ký với Văn phòng Bản quyền Hoa Kỳ giúp tạo ra bằng chứng hợp pháp trong trường hợp tranh chấp. Luật Digital Millennium Copyright Act (DMCA) cung cấp cơ chế bảo vệ quyền tác giả trong môi trường số, bao gồm các quy định về việc xử lý các hành vi xâm phạm quyền tác giả trên Internet.

*Luật Bản quyền, Thiết kế và Bằng sáng chế (Copyright, Designs and Patents Act) ở Anh:* quy định chi tiết về quyền tác giả, bao gồm quyền sở hữu và quyền sử dụng hình ảnh, nhạc, và các tác phẩm nghệ thuật. Anh cũng áp dụng các quy định tương tự như DMCA của Hoa Kỳ để bảo vệ quyền tác giả trong không gian mạng.

*Luật Quyền tác giả (Copyright Act 1968) ở Úc:* Luật này bảo vệ các tác phẩm sáng tạo, bao gồm hình ảnh và nhiếp ảnh, mà không cần phải đăng ký. Quyền tác giả kéo dài trong suốt cuộc đời tác giả cộng với 70 năm sau khi tác giả qua đời. Úc cũng bảo vệ quyền cá nhân trong việc sử dụng hình ảnh của cá nhân mà không có sự đồng ý.

*Luật Quyền tác giả (Copyright Law) ở Nhật Bản:* quy định các quyền tác giả đối với các tác phẩm sáng tạo, bao gồm nhiếp ảnh và hình ảnh. Nhật Bản tuân thủ các tiêu chuẩn của Công ước Berne và cũng đã thực hiện các biện pháp để bảo vệ quyền lợi của tác giả trong môi trường số.

### 1.3.3. Quy định của pháp luật về định giá quyền sở hữu trí tuệ đối với hình ảnh

#### 1.3.3.1. Khái niệm định giá quyền sở hữu trí tuệ đối với hình ảnh

Định giá quyền sở hữu trí tuệ đối với hình ảnh là quá trình xác định giá trị kinh tế của quyền sở hữu trí tuệ liên quan đến hình ảnh, bao gồm các tác phẩm nghệ thuật, nhiếp ảnh, thiết kế đồ họa, hoặc bất kỳ hình ảnh nào có tính sáng tạo được bảo vệ theo pháp luật. Định giá thường được thực hiện trong các trường hợp như chuyển nhượng quyền, cấp phép sử dụng, xử lý tranh chấp, hoặc trong các giao dịch thương mại khác.

Định giá quyền sở hữu trí tuệ đối với hình ảnh là một lĩnh vực phức tạp và cần sự cân nhắc kỹ lưỡng về nhiều yếu tố khác nhau. Việc xác định giá trị hợp lý không chỉ giúp các nghệ sĩ và nhà sáng tạo bảo vệ quyền lợi của mình mà còn tạo điều kiện cho

các giao dịch thương mại liên quan đến hình ảnh diễn ra một cách công bằng và minh bạch. Việc định giá bản quyền sẽ phải trải qua một quy trình, được gọi là quy trình định giá: Đánh giá tính độc đáo, chất lượng, và độ phổ biến của hình ảnh; Xem xét các giao dịch tương tự, giá trị thị trường và xu hướng hiện tại; Làm rõ cách thức và phạm vi sử dụng hình ảnh để xác định giá trị hợp lý; Xem xét thời gian bảo vệ, quyền sở hữu, và các thỏa thuận liên quan đến việc sử dụng hình ảnh.

#### *1.3.3.2. Vai trò và tầm quan trọng của định giá quyền sở hữu trí tuệ đối với hình ảnh trong kinh doanh số*

Việc định giá chính xác quyền sở hữu trí tuệ không chỉ giúp các cá nhân và tổ chức bảo vệ tài sản trí tuệ mà còn tối ưu hóa giá trị kinh doanh. Định giá quyền sở hữu trí tuệ giúp xác định giá trị thực tế của hình ảnh, từ đó bảo vệ quyền lợi hợp pháp của các tác giả và nhà sản xuất. Khi giá trị được xác định rõ ràng, các bên có thể dễ dàng hơn trong việc thương lượng và ký kết hợp đồng. Trong trường hợp xảy ra tranh chấp, việc định giá giúp cung cấp bằng chứng để chứng minh quyền sở hữu và giá trị của quyền tác giả, từ đó tăng khả năng thắng kiện.

Việc định giá chính xác giúp các nhà đầu tư hiểu rõ hơn về giá trị tài sản trí tuệ mà họ đang xem xét. Điều này rất quan trọng khi đánh giá một doanh nghiệp có hình ảnh và nội dung số là tài sản chính, cho phép các doanh nghiệp có thể cấp phép hoặc chuyển nhượng quyền sử dụng hình ảnh một cách hiệu quả, từ đó tạo ra nguồn thu nhập mới. Khi các tác giả và nhà sản xuất hiểu rõ giá trị tài sản của họ, họ sẽ có động lực hơn để tiếp tục sáng tạo. Điều này dẫn đến sự phát triển của nội dung số phong phú và đa dạng, cạnh tranh lành mạnh trong ngành công nghiệp sáng tạo, nơi các sản phẩm và dịch vụ có thể được đánh giá và so sánh một cách công bằng.

Các tác giả và nghệ sĩ có thể xây dựng thương hiệu cá nhân mạnh mẽ dựa trên các sản phẩm sáng tạo của mình. Định giá chính xác quyền sở hữu trí tuệ cho hình ảnh giúp họ thu hút được sự chú ý và đầu tư từ phía các bên thứ ba. Hình ảnh và nội dung số độc đáo có thể tăng giá trị thương hiệu của doanh nghiệp. Định giá giúp doanh nghiệp hiểu rõ giá trị này và khai thác tối đa trong chiến lược tiếp thị.

Định giá quyền sở hữu trí tuệ đối với hình ảnh trong kinh doanh số không chỉ là một khía cạnh quan trọng trong việc bảo vệ tài sản trí tuệ mà còn là một yếu tố then chốt trong chiến lược kinh doanh tổng thể. Thông qua việc định giá, doanh nghiệp có thể đưa ra các quyết định thông minh về việc phát triển sản phẩm, tiếp thị, và mở rộng thị trường;

cũng hỗ trợ các doanh nghiệp trong việc lập kế hoạch tài chính, phân bổ nguồn lực và tối ưu hóa chi phí.

#### 1.3.3.3. Các phương pháp định giá quyền sở hữu trí tuệ đối với hình ảnh

Theo quy định tại Điều 3, Điều 4 Thông tư 37/2024/TT-BTC Ban hành chuẩn mực thẩm định giá Việt Nam về thẩm định giá tài sản vô hình, “*Tài sản vô hình là tài sản không có hình thái vật chất nhưng có khả năng tạo ra các quyền và lợi ích kinh tế, tự biểu hiện thông qua các đặc tính kinh tế. Tài sản vô hình không bao gồm tiền mặt.*” Tài sản vô hình bao gồm tài sản trí tuệ và quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ.

Định giá quyền sở hữu trí tuệ đối với hình ảnh là một quá trình phức tạp, bao gồm nhiều phương pháp khác nhau để xác định giá trị kinh tế của tài sản trí tuệ như sau:

*Cách tiếp cận từ thu nhập:* gồm phương pháp tiền sử dụng tài sản vô hình, phương pháp lợi nhuận vượt trội và phương pháp thu nhập tăng thêm. (i) Theo phương pháp tiền sử dụng tài sản vô hình, giá trị của tài sản vô hình được tính toán trên cơ sở giá trị hiện tại của dòng tiền sử dụng tài sản vô hình mà tổ chức, cá nhân nhận được khi cho phép sử dụng tài sản vô hình. (ii) Phương pháp lợi nhuận vượt trội ước tính giá trị của tài sản vô hình cần thẩm định giá trên cơ sở chênh lệch giữa các khoản lợi nhuận có được của một doanh nghiệp khi sử dụng và khi không sử dụng tài sản vô hình này. (iii) Phương pháp thu nhập tăng thêm xác định giá trị của tài sản vô hình thông qua giá trị hiện tại của các dòng tiền được cho là phát sinh từ đóng góp của tài sản vô hình cần thẩm định giá sau khi loại trừ tỷ lệ dòng tiền phát sinh từ đóng góp của các tài sản khác.

*Cách tiếp cận từ chi phí:* gồm phương pháp chi phí thay thế, phương pháp chi phí tái tạo (được thực hiện theo quy định tại Chuẩn mực thẩm định giá ban hành kèm theo Thông tư số 37/2024/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính).

*Cách tiếp cận từ thị trường:* gồm phương pháp so sánh trong cách tiếp cận từ thị trường (được thực hiện theo quy định tại Chuẩn mực thẩm định giá ban hành kèm theo Thông tư số 37/2024/TT-BTC ngày 16 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính).

Mỗi phương pháp định giá quyền sở hữu trí tuệ đối với hình ảnh có những ưu điểm và nhược điểm riêng. Việc chọn lựa phương pháp nào phụ thuộc vào mục tiêu định giá, loại hình tài sản, và thông tin sẵn có. Thông thường, một sự kết hợp của nhiều phương pháp sẽ mang lại kết quả chính xác và đáng tin cậy hơn. Việc định giá đúng đắn

không chỉ giúp bảo vệ quyền lợi hợp pháp của các tác giả và nhà sản xuất mà còn hỗ trợ các doanh nghiệp trong việc tối ưu hóa giá trị tài sản trí tuệ của họ trong môi trường kinh doanh ngày càng cạnh tranh.

## KẾT LUẬN CHƯƠNG 1

Chương 1 đã làm rõ các khái niệm cơ bản và phân tích các nền tảng pháp lý về bảo vệ quyền đối với hình ảnh trong môi trường số tại Việt Nam. Hình ảnh, với giá trị nghệ thuật, thương mại và tùy trường hợp còn có vai trò thể hiện danh dự cá nhân, được bảo hộ chặt chẽ bởi luật pháp Việt Nam và các điều ước quốc tế. Tuy nhiên, trong bối cảnh số hóa phức tạp, việc bảo vệ quyền này đối mặt với nhiều thách thức. Hệ thống pháp luật cần thường xuyên cập nhật để phù hợp với sự phát triển khoa học công nghệ, bằng các quy định cụ thể hơn về hành vi xâm phạm cũng như biện pháp chế tài, nhằm bảo vệ quyền lợi hợp pháp, khuyến khích sáng tạo và phát triển. Việc bảo vệ quyền đối với hình ảnh trong môi trường số cần sự kết hợp hiệu quả giữa quy định pháp luật về mặt lý luận và quá trình thực thi, áp dụng pháp luật trong thực tiễn bối cảnh toàn cầu hóa và kinh tế số.

## **CHƯƠNG II. THỰC TRẠNG THỰC THI QUYỀN ĐỐI VỚI HÌNH ẢNH TRONG MÔI TRƯỜNG SỐ TẠI VIỆT NAM HIỆN NAY VÀ ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ**

### **2.1. Thực trạng xâm phạm quyền đối với hình ảnh trên môi trường số tại Việt Nam hiện nay**

Tình trạng xâm phạm quyền đối với hình ảnh trên môi trường số tại Việt Nam hiện đang diễn ra một cách đáng báo động, nhất là khi các nền tảng mạng xã hội và kỹ thuật số ngày càng mở rộng và phát triển mạnh mẽ. Điều này dẫn đến việc các hình ảnh, đặc biệt là hình ảnh cá nhân dễ dàng bị lạm dụng, phát tán mà không có sự đồng ý của chủ thể quyền hợp pháp, gây ra nhiều hậu quả nghiêm trọng về mặt pháp lý cũng như ảnh hưởng tiêu cực đến danh dự, quyền riêng tư và cuộc sống của các cá nhân.

Nhiều cá nhân, đặc biệt là người nổi tiếng như ca sĩ, diễn viên và các KOLs (Key Opinion Leaders) thường bị sử dụng hình ảnh trái phép cho các mục đích quảng cáo, trong các bài viết, trang web hoặc chiến dịch tiếp thị, sử dụng cho mục đích thương mại mà không có sự đồng ý; nhiều người còn bị chụp lén, ghi lại hình ảnh hoặc video về các khoảnh khắc cá nhân ở nơi công cộng hoặc riêng tư mà không biết hoặc không đồng ý. Các thương hiệu, tổ chức hoặc cá nhân khác thường sử dụng hình ảnh của người khác mà không xin phép; ... các hành vi này đều là các biểu hiện của vi phạm quyền đối với hình ảnh. Ngoài ra, còn có các hành vi lạm dụng hình ảnh cho mục đích xấu như cá nhân bị sử dụng trong các trường hợp lừa đảo, mạo danh, hoặc phát tán các nội dung không lành mạnh; bị chỉnh sửa, bị cắt ghép với các nội dung nhạy cảm, khiêu dâm để bôi nhọ danh dự, hoặc làm sai lệch thông tin, gây tổn hại đến uy tín và danh dự của họ rồi phát tán trên mạng xã hội. Các hành vi này không chỉ xâm phạm quyền riêng tư mà còn gây tổn hại về danh tiếng và tinh thần cho nạn nhân. Khác với cách thức truyền thống, khi hình ảnh được chia sẻ trên không gian mạng, việc kiểm soát về cách sử dụng hay phát tán hình ảnh càng trở nên vô cùng khó khăn. Mặt khác còn dẫn đến tình trạng hình ảnh bị chỉnh sửa, cắt ghép và lan truyền với mục đích bôi nhọ hoặc làm xấu hình ảnh của cá nhân.

Mặc dù Việt Nam đã có các quy định về quyền đối với hình ảnh trong Bộ luật Dân sự, Luật An ninh mạng, Luật sở hữu trí tuệ, ... nhưng việc thực thi các quy định này trên môi trường số còn gặp nhiều khó khăn, thiếu cơ chế bảo vệ quyền lợi cá nhân. Người bị xâm phạm quyền đối với hình ảnh đôi khi gặp khó trong việc thu thập bằng

chứng và khởi kiện. Nhiều người dùng Internet tại Việt Nam chưa nhận thức rõ ràng về vấn đề bảo vệ hình ảnh cá nhân của mình, dẫn đến việc chia sẻ và sử dụng hình ảnh không được kiểm soát, gây ra tình trạng lạm dụng.

Xét ở khía cạnh quyền nhân thân, việc sử dụng trái phép hình ảnh cá nhân của người khác mà không xin phép diễn ra khá phổ biến, phổ biến hiện nay là hành vi dùng hình ảnh của người nổi tiếng, nghệ sĩ nhằm mục đích quảng cáo, thương mại; bởi lẽ người nổi tiếng, nghệ sĩ thường có khả năng tác động khá lớn đến cộng đồng, hành vi tiêu dùng của người tiêu dùng.

Xét ở khía cạnh quyền tác giả, như đã phân tích ở Chương 1, các hành vi xâm phạm quyền tác giả được quy định tại Điều 28 Luật SHTT hiện hành, các căn cứ xác định hành vi xâm phạm quyền được quy định chi tiết tại Nghị định 17/2023 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật sở hữu trí tuệ về quyền tác giả, quyền liên quan. Thực tế cho thấy các hành vi xâm phạm quyền đối với hình ảnh ở khía cạnh quyền tác giả thường là xâm phạm các quyền tài sản tại Điều 20 Luật SHTT hiện hành, phổ biến là hành vi sao chép trực tiếp hoặc gián tiếp toàn bộ hoặc một phần tác phẩm dưới dạng hình ảnh bằng bất kỳ phương tiện hay hình thức nào.

Một số hành vi cụ thể diễn ra hiện nay xâm phạm các quyền đối với hình ảnh trên môi trường số như sau:

***Thứ nhất, hành vi xâm phạm quyền nhân thân - quyền của cá nhân đối với hình ảnh.***

Hành vi sử dụng hình ảnh của người nổi tiếng, KOLs để quảng cáo mà không xin phép đang diễn ra khá phổ biến. Võ Hà Linh, một trong những KOLs nổi tiếng trong lĩnh vực làm đẹp và sức khỏe tại Việt Nam, đã gặp phải nhiều vấn đề liên quan đến việc sử dụng hình ảnh của mình mà không có sự cho phép. Võ Hà Linh nổi bật với khả năng truyền tải thông điệp về làm đẹp và chăm sóc sức khỏe qua các video và bài viết trên các nền tảng mạng xã hội. Cô không chỉ thu hút được một lượng lớn người theo dõi mà còn được nhiều thương hiệu hợp tác để quảng bá sản phẩm. Việc hình ảnh của Võ Hà Linh bị lợi dụng đã gây ra nhiều hậu quả nghiêm trọng. Hành vi này không chỉ ảnh hưởng đến tài chính mà còn làm giảm uy tín và giá trị thương hiệu của cô trong mắt công chúng. Khi hình ảnh của một KOLs nổi tiếng bị sử dụng mà không có sự đồng ý, điều này có thể dẫn đến việc khách hàng nghi ngờ về tính trung thực và đạo đức của họ.

Nhiều người tiêu dùng có thể cảm thấy không còn tin tưởng vào những gì mà KOLs này truyền tải, từ đó giảm sút lượng người theo dõi và sự ủng hộ.

Sự việc liên quan đến Võ Hà Linh chỉ là một trong nhiều ví dụ về vấn nạn sử dụng hình ảnh của KOLs mà không có sự đồng ý<sup>16</sup>. Võ Hà Linh đã lên tiếng về việc một số doanh nghiệp đã sử dụng hình ảnh cắt ra từ video review sản phẩm của cô để quảng cáo mà không xin phép. Điều này không chỉ vi phạm quyền sở hữu trí tuệ đối với bản ghi hình (video) mà còn gây tổn hại đến danh tiếng và thương hiệu cá nhân của cô. Cô khẳng định rằng việc sử dụng hình ảnh của mình mà không có sự đồng ý là hành động không thể chấp nhận được. Tình trạng này không chỉ diễn ra trong một số chiến dịch quảng cáo, mà còn phản ánh một vấn đề lớn hơn về quyền sở hữu trí tuệ trong ngành quảng cáo và truyền thông hiện nay.

***Thứ hai, hành vi xâm phạm quyền tác giả - quyền của cá nhân, tổ chức đối với các tác phẩm dưới dạng hình ảnh.***

Các tác phẩm dưới dạng hình ảnh có thể bị xâm phạm quyền dưới dạng hành vi phổ biến đó là sao chép trực tiếp hoặc gián tiếp toàn bộ hoặc một phần tác phẩm bằng bất kỳ phương tiện hay hình thức nào nhằm mục đích sử dụng, khai thác mà không xin phép, không trả tiền.

*(i) Sử dụng trái phép hình ảnh trong tác phẩm báo chí của người khác.*

Việc sử dụng trái phép hình ảnh từ các tác phẩm báo chí của người khác để đăng tải lên kênh của mình là một trong những vấn đề ngày càng trở nên phổ biến và phức tạp trong thời đại công nghệ số hiện nay. Theo Luật Sở hữu trí tuệ Việt Nam, quyền sở hữu trí tuệ bao gồm quyền tác giả đối với các tác phẩm sáng tạo, bao gồm hình ảnh, văn bản, video và các loại hình tác phẩm khác. Điều này có nghĩa là khi một hình ảnh được sáng tạo hoặc xuất bản trên một nền tảng, người sáng tạo (tác giả) hoặc tổ chức phát hành (tòa soạn báo) giữ quyền sở hữu đối với tác phẩm đó. Đặc biệt, quyền tác giả đối với hình ảnh báo chí thường thuộc về tòa soạn hoặc nhiếp ảnh gia nếu họ không ký hợp đồng chuyển nhượng quyền sở hữu. Khi người khác muốn sử dụng hình ảnh từ một bài báo hoặc bài viết để phục vụ cho mục đích cá nhân hoặc thương mại, họ phải xin phép chủ sở hữu và tuân thủ các điều kiện được đặt ra. Nếu sử dụng mà không có sự đồng ý,

---

<sup>16</sup> Mộc An (2023), "Từ vụ "chiến thần" Hà Linh, chuyên gia hé lộ bí kíp dùng người nổi tiếng quảng cáo hàng", <https://dantri.com.vn/kinh-doanh/tu-vu-chien-than-ha-linh-chuyen-gia-he-lo-bi-kip-dung-koc-hieu-qua-20230406091856968.htm>, truy cập ngày 27/08/2024.

đó là hành vi vi phạm bản quyền. Trong thời đại kỹ thuật số, việc sao chép và sử dụng hình ảnh trở nên dễ dàng hơn bao giờ hết. Chỉ với một vài cú nhấp chuột, người ta có thể tải xuống hình ảnh từ một bài báo trực tuyến và chia sẻ lên các nền tảng khác như mạng xã hội, trang web cá nhân hoặc thậm chí các kênh thương mại. Chính sự tiện lợi này đã dẫn đến sự gia tăng của tình trạng vi phạm bản quyền hình ảnh.

Các trang tin tức lớn thường gặp phải vấn đề này, khi các nội dung hình ảnh từ những bài báo, phóng sự của họ bị các trang web nhỏ hơn hoặc các tài khoản mạng xã hội sử dụng mà không có sự cho phép. Một số trường hợp, hình ảnh còn bị chỉnh sửa để phục vụ cho các mục đích khác, khiến tác phẩm gốc bị bóp méo và mất đi tính nguyên bản. Ví dụ, một số kênh truyền thông nhỏ có thể sử dụng lại hình ảnh từ một bài báo quốc tế mà không xin phép, sau đó đăng lên nền tảng của mình với mục đích tăng tương tác hoặc lượt xem. Điều này không chỉ làm giảm giá trị tác phẩm gốc mà còn ảnh hưởng đến uy tín của các tổ chức báo chí chính thống.

Khi một tác phẩm hình ảnh bị sao chép và sử dụng mà không có sự đồng ý, tác giả và tổ chức báo chí phải chịu nhiều thiệt hại. Thứ nhất, họ mất đi quyền kiểm soát đối với tác phẩm của mình. Hình ảnh có thể bị chỉnh sửa, cắt ghép hoặc sử dụng trong các ngữ cảnh không phù hợp, dẫn đến việc làm sai lệch thông điệp mà tác giả muốn truyền tải. Thứ hai, việc mất đi quyền sở hữu và kiểm soát cũng đồng nghĩa với việc mất đi lợi nhuận tiềm năng từ việc cấp phép sử dụng hình ảnh. Các tòa soạn báo và nhiếp ảnh gia thường nhận được tiền bản quyền từ việc bán hoặc cấp phép hình ảnh cho các tổ chức, cá nhân có nhu cầu sử dụng. Khi hình ảnh bị sao chép trái phép, nguồn thu nhập này sẽ bị tổn hại nghiêm trọng. Nhiều nhà báo và nhiếp ảnh gia đã phải đối mặt với tình trạng mất quyền sở hữu hình ảnh do hành vi sao chép không được phép từ các trang web khác<sup>17</sup>. Người vi phạm, dù là cá nhân hay tổ chức, đều có thể phải đối mặt với các hậu quả pháp lý nghiêm trọng khi sử dụng trái phép hình ảnh báo chí.

Các văn bản pháp luật Việt Nam quy định rất rõ ràng về mức phạt đối với các hành vi vi phạm bản quyền, bao gồm cả bản quyền hình ảnh. Mức phạt này có thể lên tới hàng chục triệu đồng, tùy thuộc vào mức độ nghiêm trọng của vi phạm. Ngoài ra, người vi phạm còn phải đối mặt với việc mất uy tín, ảnh hưởng đến danh tiếng cá nhân hoặc tổ chức. Theo luật pháp Việt Nam, việc sao chép và sử dụng hình ảnh mà không

---

<sup>17</sup> Lê Xuân Tùng (2024), “Vi phạm bản quyền trong nhiếp ảnh”, <https://nhiếpanhdoisong.vn/vi-pham-ban-quyen-trong-nhiếp-anh-14583.html>, truy cập ngày 27/08/2024.

có sự đồng ý của chủ sở hữu có thể bị phạt tiền và yêu cầu gỡ bỏ nội dung vi phạm. Trong trường hợp nghiêm trọng hơn, người vi phạm có thể bị khởi kiện và phải bồi thường thiệt hại cho tác giả.

Mặt khác, người xem hoặc người tiêu dùng nội dung cũng có thể bị ảnh hưởng tiêu cực từ việc sử dụng hình ảnh trái phép. Khi một hình ảnh bị sao chép và sử dụng trong một ngữ cảnh sai lệch, người xem có thể bị hiểu lầm hoặc tiếp nhận thông tin sai sự thật. Điều này đặc biệt nghiêm trọng đối với các hình ảnh có tính chất nhạy cảm hoặc mang tính thời sự. Hơn nữa, việc vi phạm bản quyền làm giảm giá trị của các sản phẩm báo chí chất lượng. Khi hình ảnh bị sao chép rộng rãi mà không có sự kiểm soát, người xem không còn biết đâu là nguồn tin đáng tin cậy, dẫn đến sự lộn xộn trong việc tiếp nhận thông tin.

*(ii) Sử dụng trái phép hình ảnh chụp mẫu của cửa hàng thời trang khác để đăng lên trang bán hàng.*

Sử dụng trái phép hình ảnh chụp mẫu của các cửa hàng thời trang khác để đăng lên trang bán hàng của cửa hàng mình là một vấn đề nghiêm trọng trong lĩnh vực kinh doanh trực tuyến, đặc biệt phổ biến trong ngành thời trang. Việc sử dụng trái phép hình ảnh chụp mẫu của các cửa hàng thời trang khác không chỉ là hành vi không công bằng trong hoạt động kinh doanh mà còn vi phạm nghiêm trọng các quy định về quyền sở hữu trí tuệ, cụ thể là quyền tác giả đối với các tác phẩm dưới dạng hình ảnh được tạo nên bởi các cửa hàng thời trang chính chủ. Mặt khác, tình trạng này còn tác động đến quyền lợi, niềm tin của người tiêu dùng vào môi trường mua sắm trực tuyến, gây thiệt hại lớn cho cả người tiêu dùng lẫn doanh nghiệp chân chính.

Trong kinh doanh trực tuyến, hình ảnh sản phẩm đóng vai trò cực kỳ quan trọng. Nó là công cụ trực tiếp thu hút khách hàng, giúp người mua có cái nhìn cụ thể, trực quan về sản phẩm trước khi quyết định mua hàng. Tuy nhiên, để có được những hình ảnh chất lượng, chân thực, các cửa hàng thường đầu tư không nhỏ vào việc thuê người mẫu, nhiếp ảnh gia và đội ngũ thiết kế để tạo ra những bộ ảnh thời trang chuyên nghiệp. Những hình ảnh này thể hiện rõ phong cách thương hiệu, chất lượng sản phẩm và mang lại sự tin tưởng cho người tiêu dùng. Thế nhưng, không ít cửa hàng thời trang khác, đặc biệt là các cửa hàng online nhỏ lẻ, lại sử dụng trái phép các hình ảnh chụp mẫu của cửa hàng lớn, nổi tiếng để đăng lên trang bán hàng của mình. Đây là hành vi sao chép, truyền đạt

tác phẩm dưới dạng hình ảnh mà không được sự cho phép của chủ sở hữu, thường với mục đích cắt giảm chi phí kinh doanh hoặc thậm chí là lừa đảo người tiêu dùng.

Các doanh nghiệp lớn hoặc những cửa hàng có uy tín bị lấy cắp hình ảnh sẽ phải đối mặt với nhiều thiệt hại. Thứ nhất, họ mất đi công sức và chi phí đã bỏ ra để tạo ra những hình ảnh quảng cáo chất lượng. Thứ hai, việc hình ảnh của họ bị sử dụng trái phép sẽ làm giảm giá trị thương hiệu, đặc biệt nếu những hình ảnh đó được liên kết với các sản phẩm kém chất lượng của cửa hàng khác. Khách hàng có thể nghĩ rằng tất cả các sản phẩm giống nhau hoặc bị lừa bởi những cửa hàng kém uy tín, dẫn đến việc mất niềm tin vào thương hiệu thật. Một bài báo trên Trang thông tin điện tử tổng hợp đã chỉ ra rằng, nhiều cửa hàng thời trang lớn đã gửi đơn tố cáo lên cơ quan chức năng vì bị xâm phạm quyền hình ảnh sản phẩm, tuy nhiên việc xử lý các vụ việc này không dễ dàng do tính chất phức tạp của môi trường mạng<sup>18</sup>. Trong đó, một số thương hiệu thời trang nổi tiếng tại Việt Nam đã bị sao chép hình ảnh, mẫu mã từ các buổi chụp hình thời trang mà họ đầu tư, sau đó những hình ảnh này bị đăng lên các trang bán hàng giá rẻ trên Facebook mà không có sự cho phép.

Người tiêu dùng là đối tượng bị ảnh hưởng tiếp theo trong các vụ việc sử dụng trái phép hình ảnh của các cửa hàng thời trang. Họ bị lôi cuốn bởi các hình ảnh đẹp mắt và chuyên nghiệp mà không biết rằng sản phẩm thực tế hoàn toàn khác xa. Khi mua hàng, họ có thể nhận được những sản phẩm kém chất lượng, khác biệt hoàn toàn so với những gì đã thấy trong hình ảnh, gây ra cảm giác thất vọng và mất lòng tin vào mua sắm trực tuyến. Điều này đã được nhiều bài báo trên các tạp chí tiêu dùng tại Việt Nam cảnh báo. Việc mua phải sản phẩm không đúng như quảng cáo đã trở thành vấn đề phổ biến trong thời đại thương mại điện tử phát triển, đặc biệt trong ngành thời trang<sup>19</sup>. Không ít trường hợp người dùng bị lừa bởi cửa hàng bán quần áo online. Hình ảnh sản phẩm mà người dùng thấy trên trang bán hàng là từ một cửa hàng thời trang nổi tiếng, nhưng sản phẩm thực tế mà họ nhận được lại là hàng kém chất lượng, với chất liệu và kiểu dáng hoàn toàn khác biệt<sup>20</sup>. Việc này không chỉ ảnh hưởng đến trải nghiệm mua hàng mà còn

---

<sup>18</sup> Vũ Anh (2022), “Hãng thời trang Trung Quốc Shein bị kiện vì vi phạm bản quyền thiết kế”, <https://m.cafebiz.vn/hang-thoi-trang-trung-quoc-shein-bi-kiem-vi-vi-pham-ban-quyen-thiet-ke-20220704150539765.chn>, truy cập ngày 26/08/2024.

<sup>19</sup> Phan Thị Hời (2023), “Lợi ích và rủi ro của người tiêu dùng khi tham gia mua sắm trực tuyến hiện nay tại Việt Nam”, <https://tapchicongthuong.vn/loi-ich-va-rui-ro-cua-nguoi-tieu-dung-khi-tham-gia-mua-sam-truc-tuyen-hien-nay-tai-viet-nam-103601.htm>, truy cập ngày 26/08/2024.

<sup>20</sup> Đức Hùng (2023), “Lừa bán 'quần áo cũ, rách' cho khách hàng mua online”, <https://vnexpress.net/lua-ban-quan-ao-cu-rach-cho-khach-hang-mua-online-4693401.html>, truy cập ngày 26/08/2024.

gây thiệt hại về tài chính cho người mua, khi họ không thể trả lại hoặc đổi hàng do chính sách của các cửa hàng này thường rất mập mờ.

Các cửa hàng sử dụng hình ảnh trái phép có thể được hưởng lợi từ việc không phải bỏ ra chi phí sản xuất hình ảnh, nhưng thực tế, hành vi này mang lại rủi ro pháp lý và làm tổn hại đến uy tín của họ về lâu dài. Theo luật pháp Việt Nam, việc sao chép và sử dụng trái phép tác phẩm dưới dạng hình ảnh mà không được sự đồng ý của chủ sở hữu là hành vi vi phạm quyền sở hữu trí tuệ, có thể bị xử phạt hành chính hoặc thậm chí là bị khởi kiện.

*(iii) Sử dụng, cắt ghép trái phép hình ảnh có bản quyền trên mạng để thiết kế biển hiệu, biển quảng cáo.*

Nhiều người lựa chọn các hình ảnh có bản quyền vì chúng thường chất lượng hơn và phù hợp hơn với thông điệp mà họ muốn truyền tải. Từ đó, họ thực hiện hành vi cắt ghép và chỉnh sửa các hình ảnh đó để sử dụng cho các biển hiệu, biển quảng cáo của mình mà không hiểu rằng điều này vi phạm luật sở hữu trí tuệ. Việc sử dụng trái phép hình ảnh có bản quyền có thể diễn ra theo nhiều hình thức khác nhau; chẳng hạn như sao chép trực tiếp, doanh nghiệp có thể tải xuống một hình ảnh từ internet và in trực tiếp lên biển hiệu mà không có bất kỳ sự cho phép nào từ chủ sở hữu. Nhiều doanh nghiệp cắt ghép các phần của hình ảnh và kết hợp chúng với các yếu tố khác để tạo ra một thiết kế mới. Điều này dẫn đến một số doanh nghiệp, đặc biệt là các cửa hàng nhỏ hoặc các startup (cơ sở kinh doanh đang trong giai đoạn thành lập và hoàn thiện), thường có xu hướng sử dụng hình ảnh có bản quyền mà không xin phép để tiết kiệm chi phí thiết kế. Tuy nhiên, nếu hình ảnh gốc vẫn có thể nhận diện được, điều này vẫn được coi là vi phạm bản quyền. Việc bị tố cáo vi phạm bản quyền có thể làm giảm uy tín và danh tiếng của doanh nghiệp trong mắt khách hàng và đối tác. Người tiêu dùng có thể nghi ngờ về tính trung thực và đạo đức kinh doanh của một thương hiệu đã bị phát hiện vi phạm bản quyền. Việc gỡ bỏ biển hiệu hoặc biển quảng cáo có hình ảnh vi phạm sẽ ảnh hưởng đến hoạt động marketing (quá trình tiếp thị, quảng bá, quảng cáo) của doanh nghiệp, gây khó khăn trong việc thu hút khách hàng.

Như vậy, có thể thấy rằng ngày nay hình ảnh rất dễ bị sao chép và lan truyền trái phép trên các mạng xã hội, điều này gây tổn hại tới danh tiếng và tạo ra các hệ lụy pháp lý. Trong thời đại số hiện nay, công nghệ đang phát triển vượt bậc, với hàng triệu người tham gia vào các mạng xã hội và nền tảng chia sẻ hình ảnh như Facebook, Instagram và

TikTok. Điều này giúp cho việc lan truyền và chia sẻ hình ảnh trở nên dễ dàng hơn mà không cần sự đồng ý từ chủ sở hữu. Những sự việc này không chỉ gây tổn hại đến danh tiếng cá nhân, uy tín của doanh nghiệp mà còn tác động tiêu cực đến người tiêu dùng và cả cộng đồng. Việt Nam đã có những quy định về quyền đối với hình ảnh, nhưng thực trạng cho thấy còn nhiều hành vi vi phạm bởi lẽ vẫn còn tồn tại khá nhiều hạn chế trong nhận thức của cộng đồng cũng như trong quy định pháp luật.

## **2.2. Một số hạn chế còn tồn tại liên quan đến vấn đề quyền đối với hình ảnh trên môi trường số tại Việt Nam hiện nay**

*Thứ nhất, nhận thức của cộng đồng về quyền sở hữu trí tuệ nói chung và quyền tác giả nói riêng còn hạn chế.*

Nhiều người dân và doanh nghiệp vẫn chưa nhận thức rõ về quyền sở hữu trí tuệ, đặc biệt là quyền đối với hình ảnh. Điều này dẫn đến việc sử dụng hình ảnh của người khác mà không có sự cho phép, gây ra các tranh chấp và kiện tụng. Các quy định pháp luật về quyền hình ảnh chưa được thực thi mạnh mẽ. Thực tế, việc kiện tụng để bảo vệ quyền hình ảnh còn nhiều rào cản, từ thủ tục pháp lý phức tạp đến chi phí cao. Nhiều nạn nhân không đủ khả năng tài chính để theo đuổi quyền lợi của mình.

Các quy định về quyền đối với hình ảnh trong Luật Sở hữu trí tuệ Việt Nam vẫn còn thiếu sót và chưa được cập nhật phù hợp với sự phát triển của công nghệ số. Điều này tạo ra nhiều khoảng trống pháp lý, khiến cho việc xử lý các hành vi xâm phạm quyền hình ảnh trở nên khó khăn hơn. Mạng xã hội và các nền tảng trực tuyến phát triển mạnh mẽ, tạo ra nhiều kênh cho việc chia sẻ và sử dụng hình ảnh. Điều này làm tăng khả năng xảy ra các vụ vi phạm quyền hình ảnh, trong khi pháp luật vẫn chưa theo kịp. Các tổ chức đại diện cho quyền lợi của cá nhân và nhóm người sử dụng hình ảnh chưa hoạt động hiệu quả, dẫn đến việc nhiều người không biết đến quyền lợi của mình hoặc không biết cách bảo vệ.

*Thứ hai, chưa cụ thể hóa mối quan hệ pháp lý giữa quyền đối với hình ảnh cá nhân và quyền tác giả đối với tác phẩm dưới dạng hình ảnh.*

Phân tích mối quan hệ giữa quyền tác giả đối với tác phẩm dưới dạng hình ảnh và quyền đối với hình ảnh cá nhân tại Việt Nam cho thấy nhiều vấn đề pháp lý phức tạp. Theo quy định tại Bộ luật Dân sự Việt Nam, quyền hình ảnh cá nhân thuộc về mỗi cá nhân, trong khi quyền tác giả đối với tác phẩm dưới dạng hình ảnh (tác phẩm nhiếp ảnh) thuộc về người tạo ra tác phẩm đó. Chẳng hạn, khi một công ty trả tiền để thuê nhiếp

ảnh gia chụp ảnh nghệ sĩ do họ quản lý, theo luật sở hữu trí tuệ, nhiếp ảnh gia là tác giả và công ty sẽ trở thành chủ sở hữu quyền tác giả đối với tác phẩm hình ảnh đó. Điều này đặt ra câu hỏi liệu công ty có toàn quyền sử dụng, khai thác hình ảnh đó của ca sĩ trong các chiến dịch quảng cáo với tư cách là chủ sở hữu quyền tác giả đối với tác phẩm hay không, trong khi việc khai thác hình ảnh của cá nhân xét dưới góc độ luật dân sự thì cần phải có sự đồng ý của chính nghệ sĩ. Nếu một chủ thể khác sử dụng hình ảnh một cách trái phép hay không phù hợp thì có thể dẫn đến những hậu quả pháp lý như thế nào khi xét dưới góc độ luật dân sự và luật sở hữu trí tuệ.

Vấn đề chuyển nhượng quyền tác giả đối với hình ảnh cũng rất quan trọng. Cũng tình huống trên, nếu công ty muốn chuyển nhượng quyền sử dụng hình ảnh cho bên thứ ba, họ có cần phải có sự đồng ý của nghệ sĩ hay không. Tác giả cho rằng cần thiết phải có sự đồng ý của ca sĩ vì nghệ sĩ là người tạo ra giá trị vô hình cho tác phẩm. Việc sử dụng hình ảnh của nghệ sĩ mà không có sự đồng ý có thể dẫn đến tranh chấp và làm tổn hại đến hình ảnh cá nhân của nghệ sĩ. Khi một hình ảnh cá nhân được sử dụng trong quảng cáo, đặc biệt nếu nội dung quảng cáo có thể gây hiểu lầm hoặc mang tính chất tiêu cực, thì nguy cơ ảnh hưởng đến danh tiếng của người nổi tiếng là rất cao.

Điều này tạo ra một loạt các vấn đề pháp lý cần được giải quyết để bảo vệ quyền lợi của cả hai bên: công ty quảng cáo và người nổi tiếng (nghệ sĩ, KOL, ...). Sự chông chéo giữa quyền tác giả và quyền đối với hình ảnh cá nhân tạo ra những thách thức pháp lý đáng kể trong lĩnh vực quảng cáo và truyền thông tại Việt Nam.

***Thứ ba, chưa có quy định cụ thể về bảo vệ quyền đối với hình ảnh cắt ra từ video review sản phẩm, video quảng cáo.***

Hiện nay, vấn đề bảo hộ quyền đối với hình ảnh cắt ra từ video review sản phẩm và video quảng cáo tại Việt Nam vẫn chưa có cơ chế rõ ràng, dẫn đến nhiều khó khăn trong việc xác định quyền lợi của các bên liên quan. Luật Sở hữu trí tuệ Việt Nam quy định rằng hình ảnh tĩnh được lấy ra từ một tác phẩm điện ảnh là một phần của tác phẩm đó và được ghi nhận bảo hộ. Tuy nhiên, hình ảnh tĩnh cắt ra từ video, đặc biệt là các video có mục đích thương mại như review sản phẩm hoặc quảng cáo thì pháp luật chưa có quy định chi tiết. Điều này dẫn đến sự không rõ ràng về quyền sử dụng hình ảnh trong các trường hợp cụ thể. Hơn nữa, các hình thức sử dụng hình ảnh này có thể ảnh hưởng xấu đến danh tiếng của người nổi tiếng hoặc sản phẩm trong video.

Việc thiếu cơ chế rõ ràng về bảo vệ quyền đối với hình ảnh cắt ra từ video có thể dẫn đến việc các doanh nghiệp hoặc cá nhân sử dụng hình ảnh mà không có sự đồng ý hoặc không bồi thường hợp lý. Hơn nữa, dẫn đến tranh chấp giữa các nghệ sĩ, nhà sản xuất nội dung và người sử dụng hình ảnh. Nếu không có sự bảo vệ pháp lý đầy đủ, các nghệ sĩ có thể bị thiệt hại về mặt tài chính và danh tiếng, trong khi các công ty quảng cáo có thể đối mặt với rủi ro pháp lý khi sử dụng hình ảnh mà không được phép.

***Thứ tư, chưa có cơ chế thống nhất và cụ thể cho việc thẩm định giá trị của hình ảnh.***

Việc có một cơ chế thẩm định giá hiệu quả cho quyền tác giả không chỉ giúp bảo vệ quyền lợi của các tác giả mà còn thúc đẩy sự sáng tạo và đổi mới trong ngành công nghiệp sáng tạo. Điều này sẽ góp phần tạo ra một môi trường phát triển bền vững cho các nghệ sĩ và các doanh nghiệp liên quan. Tuy nhiên, hiện nay quy định về thẩm định giá tài sản vô hình tại Việt Nam chủ yếu tập trung vào các đối tượng quyền sở hữu công nghiệp như nhãn hiệu, bằng sáng chế, và kiểu dáng công nghiệp. Chưa có cơ chế cụ thể và hiệu quả cho việc thẩm định giá trị các đối tượng quyền tác giả, đặc biệt là hình ảnh. Tài sản vô hình như quyền sở hữu công nghiệp có những quy định tương đối rõ ràng về việc thẩm định giá. Tuy nhiên, việc áp dụng các quy định này thường gặp khó khăn khi nói đến quyền tác giả, bao gồm hình ảnh. Hầu hết các quy trình thẩm định giá tài sản vô hình chưa có tiêu chí rõ ràng để áp dụng cho quyền tác giả, khiến cho việc định giá các tác phẩm nghệ thuật, bao gồm hình ảnh, trở nên phức tạp hơn.

Thiếu cơ chế cụ thể cho quyền tác giả điều này dẫn đến một số vấn đề: một là, không có tiêu chuẩn và quy trình rõ ràng để xác định giá trị của hình ảnh, làm cho việc mua bán hoặc chuyển nhượng quyền tác giả trở nên khó khăn; hai là, các bên liên quan, đặc biệt là nghệ sĩ và các nhà sản xuất, có thể gặp phải rủi ro pháp lý khi không thể chứng minh giá trị tài sản vô hình của họ một cách hợp lý.

**2.3. Định hướng hoàn thiện quy định và nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật liên quan đến vấn đề quyền đối với hình ảnh trên môi trường số tại Việt Nam hiện nay**

**2.3.1. Định hướng pháp lý**

Hiện nay, khung pháp lý về bảo hộ bản quyền hình ảnh tại Việt Nam còn thiếu rõ ràng và đồng bộ. Để đảm bảo quyền lợi cho các cá nhân và tổ chức liên quan đến quyền sở hữu hình ảnh, nên bổ sung các điều khoản cụ thể liên quan đến quyền hình ảnh cá

nhân trong Bộ luật Dân sự và Luật Sở hữu trí tuệ. Cần xác định rõ ràng quyền và nghĩa vụ của các bên liên quan khi sử dụng hình ảnh, đặc biệt là trong bối cảnh phát triển của công nghệ số. Đặc biệt đối với hình ảnh trong các nền tảng trực tuyến, nơi mà việc sao chép và phát tán hình ảnh diễn ra nhanh chóng và dễ dàng. Cần thiết phải có các biện pháp pháp lý mạnh mẽ hơn để bảo vệ quyền lợi của các tác giả và chủ sở hữu hình ảnh.

***Thứ nhất, phân biệt mối quan hệ pháp lý giữa quyền tác giả đối với tác phẩm dưới dạng hình ảnh và quyền đối với hình ảnh cá nhân.***

Để đảm bảo quyền lợi của tất cả các bên, cần có sự điều chỉnh pháp lý rõ ràng hơn trong việc quy định mối quan hệ giữa quyền tác giả và quyền đối với hình ảnh cá nhân dưới khía cạnh quyền nhân thân, đặc biệt là trong bối cảnh các nền tảng số ngày càng phát triển. Mối quan hệ pháp lý giữa quyền tác giả đối với tác phẩm dưới dạng hình ảnh và quyền đối với hình ảnh cá nhân là một chủ đề phức tạp liên quan đến cả Luật sở hữu trí tuệ và Luật dân sự. Quyền tác giả bảo vệ người sáng tạo ra tác phẩm (chẳng hạn như nhiếp ảnh gia) và bao gồm cả các quyền về mặt kinh tế đối với việc khai thác hình ảnh. Còn quyền đối với hình ảnh cá nhân bảo vệ người xuất hiện trong tác phẩm hình ảnh. Mặc dù quyền tác giả và quyền đối với hình ảnh cá nhân đều liên quan đến việc sử dụng hình ảnh, chúng có sự phân biệt rõ ràng về đối tượng và phạm vi bảo hộ, tuy nhiên trong một số trường hợp nhà làm luật cần làm rõ mối liên hệ pháp lý giữa quyền tác giả đối với tác phẩm dưới dạng hình ảnh và quyền đối với hình ảnh cá nhân để đảm bảo quyền lợi chính đáng của các bên liên quan.

Để cân bằng mối liên hệ pháp lý, theo tác giả, ngay cả khi nhiếp ảnh gia có quyền tác giả đối với một bức ảnh, họ vẫn cần sự đồng ý của người trong ảnh để sử dụng, công bố, hoặc thương mại hóa hình ảnh của họ. Một nhiếp ảnh gia có thể sáng tạo một bức ảnh và có quyền tác giả đối với nó, nhưng nếu họ muốn công bố hoặc sử dụng bức ảnh đó (ví dụ như bán nó cho mục đích thương mại), họ cần phải có sự đồng ý của người được chụp trong ảnh (trừ khi hình ảnh được sử dụng vì lợi ích quốc gia, dân tộc, lợi ích công cộng hoặc được sử dụng từ các hoạt động công cộng mà không làm tổn hại đến danh dự, nhân phẩm, uy tín của người có hình ảnh). Khi một bên khai thác quyền tác giả mà không có sự đồng ý của người được chụp trong ảnh, sẽ bị xem là hành vi vi phạm quyền cá nhân.

***Thứ hai, bổ sung quy định về bảo hộ quyền đối với hình ảnh cắt ra từ video review sản phẩm, video quảng cáo.***

Việc bổ sung quy định về bảo hộ quyền đối với hình ảnh cắt ra từ video review sản phẩm và video quảng cáo là rất cần thiết, đặc biệt trong bối cảnh thương mại điện tử, quảng cáo trực tuyến và mạng xã hội phát triển mạnh mẽ, bảo vệ quyền lợi hợp pháp của các bên liên quan mà còn tạo ra sự minh bạch trong môi trường kinh doanh và quảng cáo số. Video quảng cáo và video review sản phẩm thường có mục đích thương mại rõ ràng. Khi hình ảnh cắt ra từ video này được tái sử dụng để quảng bá cho các sản phẩm hoặc dịch vụ khác, điều này không chỉ vi phạm quyền hình ảnh mà còn có thể gây ra nhầm lẫn thương hiệu hoặc ảnh hưởng đến uy tín cá nhân của người trong hình ảnh. Tại Việt Nam, một số nhãn hàng từng gặp phải tranh chấp thương mại khi sử dụng các đoạn video cắt từ sản phẩm quảng cáo của đối thủ để quảng bá sản phẩm của mình<sup>21</sup>. Điều này không chỉ vi phạm luật sở hữu trí tuệ mà còn gây tổn hại đến uy tín của cả hai bên.

Hình ảnh cắt ra từ video, bao gồm cả video quảng cáo và video review sản phẩm, có thể là đối tượng sở hữu trí tuệ của người sáng tạo video (người quay phim, người sản xuất) nhưng đồng thời cũng có thể bao gồm hình ảnh cá nhân của những người xuất hiện trong video. Từ đó, quyền đối với các hình ảnh này phải cân nhắc hai yếu tố: Quyền tác giả của người tạo ra nội dung video; Quyền hình ảnh cá nhân của những người xuất hiện trong video.

Việc cắt ghép hoặc chỉnh sửa các hình ảnh từ video có thể tạo ra nguy cơ xâm phạm cả hai quyền này nếu không được thực hiện đúng theo quy định pháp luật. Hiện nay, việc sử dụng hình ảnh cá nhân và các tác phẩm có bản quyền yêu cầu sự đồng ý của người có quyền. Tuy nhiên, trong môi trường số, các video review sản phẩm hoặc quảng cáo thường bị cắt ghép và chia sẻ mà không có sự chấp thuận rõ ràng từ người sáng tạo hay người xuất hiện trong video. Điều này gây ra vấn đề về tính hợp pháp của việc sử dụng hình ảnh cắt ra.

Vì vậy, cần bổ sung quy định bảo hộ cả hình ảnh tĩnh cắt ra từ video (không phải là tác phẩm điện ảnh), đồng thời yêu cầu sự đồng ý rõ ràng từ cả tác giả của video và người xuất hiện trong hình ảnh trước khi sử dụng hình ảnh đó cho mục đích thương mại hoặc chia sẻ trên các nền tảng khác. Nếu không có sự đồng ý, hình thức xử phạt cần được quy định rõ ràng, bao gồm yêu cầu bồi thường thiệt hại.

---

<sup>21</sup> Bài báo “Về vấn đề bản quyền và sử dụng hình ảnh cá nhân đối với sản phẩm quảng cáo”, <https://luatsugioi.com/ve-van-de-ban-quyen-va-su-dung-hinh-anh-ca-nhan-doi-voi-san-pham-quang-cao-2931-3.html>, truy cập ngày 28/09/2024.

Pháp luật cần bổ sung các quy định yêu cầu hình ảnh từ video quảng cáo hoặc review sản phẩm bị cắt ghép và sử dụng để quảng cáo sản phẩm khác, thì người sử dụng phải chịu trách nhiệm pháp lý liên quan đến việc sử dụng bất hợp pháp nội dung này. Các quy định chi tiết về mức phạt hành chính và dân sự đối với các hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ và quyền cá nhân khi sử dụng hình ảnh cắt từ video quảng cáo hoặc review. Tại nhiều quốc gia khác, như Hoa Kỳ và EU, cũng có các quy định rất rõ ràng về việc bảo vệ quyền đối với hình ảnh cá nhân và quyền tác giả trong trường hợp hình ảnh được cắt ra từ video và sử dụng trong mục đích thương mại. Các điều khoản này có thể là nguồn tham khảo hữu ích cho Việt Nam trong việc bổ sung và hoàn thiện các quy định pháp lý tương tự. Để bảo đảm quyền lợi cho cả người sáng tạo nội dung và người xuất hiện trong hình ảnh cắt ra từ video, cần bổ sung các quy định pháp lý rõ ràng, chi tiết về sự đồng ý khi sử dụng hình ảnh cắt từ video; xử lý hành vi xâm phạm quyền tác giả và quyền hình ảnh cá nhân; các hình phạt và biện pháp xử lý cụ thể khi có tranh chấp phát sinh.

### ***Thứ ba, xây dựng cơ chế thống nhất và hiệu quả cho việc thẩm định giá trị của hình ảnh.***

Hệ thống pháp lý bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ ở các quốc gia khác nhau sẽ ảnh hưởng đến giá trị của hình ảnh. Các nước có quy định chặt chẽ và bảo hộ tốt sẽ làm tăng giá trị bản quyền. Thẩm định giá trị các đối tượng quyền tác giả là một quy trình quan trọng giúp xác định giá trị kinh tế, văn hóa, và xã hội của các tác phẩm sáng tạo. Việc xây dựng cơ chế thống nhất và hiệu quả cho quá trình này sẽ giúp bảo vệ quyền lợi của tác giả và thúc đẩy sự phát triển các ngành công nghiệp sáng tạo. Xây dựng hệ thống pháp lý rõ ràng để thẩm định giá trị các đối tượng quyền tác giả, cần dựa trên một hệ thống pháp lý vững chắc. Tại Việt Nam, Luật Sở hữu trí tuệ và các nghị định liên quan đã cung cấp các quy định về quyền tác giả, nhưng cơ chế thẩm định giá trị cụ thể của các tác phẩm vẫn còn hạn chế. Vì vậy, cần cụ thể hóa các quy định về thẩm định giá trị trong các văn bản dưới luật, như nghị định và thông tư, với các hướng dẫn chi tiết về quy trình thẩm định, xác định rõ ràng các loại hình tác phẩm được bảo hộ quyền tác giả, bao gồm văn học, âm nhạc, nghệ thuật, khoa học, và các sản phẩm số như phần mềm máy tính, video, và ảnh.

Thẩm định giá trị các tác phẩm cần dựa trên các tiêu chí khoa học và minh bạch, dựa trên mức độ sáng tạo và độc đáo, khả năng thương mại hóa và tầm ảnh hưởng của

tác phẩm đối với cộng đồng hoặc xã hội, đặc biệt là những tác phẩm có giá trị di sản văn hóa. Tác phẩm có tính sáng tạo cao sẽ có giá trị thẩm định cao hơn. Ví dụ, một tác phẩm âm nhạc hoặc điện ảnh có thể được đánh giá cao dựa trên sự phổ biến và tầm ảnh hưởng trong xã hội, như các bản hit của nhạc sĩ hoặc các bộ phim đoạt giải thưởng lớn.

Cần có các tổ chức thẩm định độc lập và chuyên nghiệp để tiến hành thẩm định giá trị quyền tác giả. Các tổ chức này cần có các chuyên gia trong nhiều lĩnh vực khác nhau như nghệ thuật, luật pháp, và thương mại để đảm bảo quá trình thẩm định được thực hiện một cách công bằng và khách quan. Ví dụ, tại Hoa Kỳ, các hiệp hội như ASCAP (Hiệp hội các nhà soạn nhạc, tác giả và nhà sản xuất) đóng vai trò quan trọng trong việc quản lý và thẩm định giá trị quyền tác giả âm nhạc. Việt Nam có thể học hỏi và áp dụng mô hình này trong bối cảnh riêng. Trong thời đại kỹ thuật số, các tác phẩm sáng tạo có thể dễ dàng bị sao chép và lan truyền rộng rãi nên việc ứng dụng công nghệ là cần thiết để tăng cường khả năng thẩm định và quản lý quyền tác giả. Các thuật toán trí tuệ nhân tạo có thể được sử dụng để phân tích và định giá các tác phẩm dựa trên dữ liệu thị trường, doanh thu và sự phổ biến của tác phẩm trên các nền tảng trực tuyến hay công nghệ blockchain có thể giúp theo dõi và ghi lại quá trình sử dụng các tác phẩm sáng tạo một cách minh bạch và không thể sửa đổi.

Các yếu tố ảnh hưởng đến giá trị quyền sở hữu trí tuệ đối với hình ảnh bao gồm sự độc đáo, nhu cầu thị trường, danh tiếng của tác giả, mục đích sử dụng, và hệ thống pháp lý bảo vệ quyền lợi. Việc hiểu rõ các yếu tố này sẽ giúp tác giả, nhà sản xuất và doanh nghiệp đánh giá chính xác và tối ưu hóa giá trị tài sản trí tuệ của mình trong bối cảnh thị trường kỹ thuật số ngày nay. Các nhà làm luật có thể tham khảo các yếu tố sau đây để xây dựng cơ chế thẩm định giá trị các đối tượng quyền tác giả, trong đó có tác phẩm dưới dạng hình ảnh:

Khả năng sao chép của tác phẩm: Những hình ảnh có tính sáng tạo cao, mang phong cách riêng biệt và không thể dễ dàng sao chép sẽ có giá trị cao hơn. Chất lượng nghệ thuật và kỹ thuật sử dụng để tạo ra hình ảnh cũng làm tăng giá trị của quyền sở hữu trí tuệ. Nếu một hình ảnh có thể dễ dàng sao chép hoặc thay thế, giá trị của nó sẽ giảm. Ngược lại, nếu có rào cản pháp lý hoặc kỹ thuật mạnh mẽ bảo vệ hình ảnh khỏi việc sao chép trái phép, có tiềm năng được sử dụng bởi nhiều tổ chức hoặc doanh nghiệp thông qua các hợp đồng cấp phép thì giá trị tăng lên dần.

Phạm vi sử dụng (như quảng cáo, sản xuất thương mại, truyền hình hoặc trực tuyến): Những hình ảnh được cấp phép sử dụng trong các chiến dịch quy mô lớn, có tiềm năng được sử dụng trong nhiều ứng dụng thương mại (như sản phẩm in ấn, hàng hóa, đồ họa số) sẽ có giá trị cao hơn do khả năng tạo ra doanh thu lớn hơn. Chi phí sản xuất hình ảnh (thiết kế, chụp ảnh, chỉnh sửa) sẽ được xem xét trong việc định giá. Hình ảnh có chi phí sản xuất cao thường được đánh giá cao hơn, đặc biệt nếu có yếu tố công nghệ hoặc kỹ thuật phức tạp.

Khả năng lan truyền (virality) của hình ảnh trên các nền tảng truyền thông xã hội, internet hoặc phương tiện truyền thông số: Mức độ phổ biến của hình ảnh và khả năng thu hút người dùng hoặc khách hàng, dễ dàng lan tỏa sẽ thu hút nhiều sự chú ý hơn, cũng góp phần vào việc xác định giá trị từ đó làm tăng giá trị. Hình ảnh có thể được sử dụng lâu dài hoặc chỉ trong một thời gian ngắn, và điều này ảnh hưởng trực tiếp đến giá trị của nó. Tác phẩm được tạo ra bởi các tác giả nổi tiếng hoặc thương hiệu uy tín, có sức ảnh hưởng của thương hiệu hoặc tác giả trong ngành sáng tạo, sẽ có giá trị cao hơn so với các tác phẩm từ những người ít tên tuổi. Điều này ảnh hưởng đến cách thị trường đánh giá về giá trị của quyền sở hữu trí tuệ đối với hình ảnh.

Tính độc đáo và độ phổ biến của hình ảnh: Những hình ảnh được sáng tạo bởi các nghệ sĩ nổi tiếng hoặc có giá trị văn hóa cao thường có giá trị cao hơn. Giá trị bản quyền cũng phụ thuộc vào mục đích sử dụng hình ảnh. Nếu hình ảnh được sử dụng cho các chiến dịch quảng cáo lớn hoặc trong các sản phẩm thương mại, giá trị bản quyền sẽ cao hơn so với việc sử dụng trong các mục đích cá nhân. Giá trị bản quyền còn chịu ảnh hưởng từ tình hình thị trường, nhu cầu và cạnh tranh trong ngành công nghiệp sáng tạo. Sự phát triển của các nền tảng kỹ thuật số và truyền thông xã hội cũng làm thay đổi cách định giá các bản quyền này.

Thời hạn bảo vệ còn lại của tác phẩm: Quyền tác giả thường kéo dài trong suốt cuộc đời tác giả cộng với một khoảng thời gian nhất định, do đó, giá trị bản quyền sẽ giảm dần khi thời gian bảo vệ còn lại ngắn lại.

Chi phí đầu tư cho việc sản xuất hình ảnh (như thiết kế, chụp ảnh, chỉnh sửa): Chi phí đầu tư cũng được tính vào giá trị bản quyền, vì nó phản ánh giá trị của công sức và tài nguyên đã bỏ ra. Đây điều là các yếu tố ảnh hưởng đến việc định giá bản quyền sở hữu trí tuệ đối với hình ảnh.

### **2.3.2. Một số phương án khác**

## ***Thứ nhất, phổ biến quy định pháp luật về quyền sở hữu trí tuệ trong cộng đồng.***

Một trong những giải pháp quan trọng để nâng cao hiệu quả bảo vệ quyền đối với hình ảnh là tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục về quyền sở hữu trí tuệ. Tổ chức các chương trình hội thảo và khóa đào tạo nhằm nâng cao nhận thức của cộng đồng về quyền sở hữu trí tuệ, đặc biệt là quyền hình ảnh. Cần phổ biến các thông tin về quyền lợi và nghĩa vụ của các bên liên quan trong việc sử dụng hình ảnh. Cần khai thác các kênh truyền thông xã hội, trang web và các phương tiện truyền thông khác để phổ biến thông tin về quyền sở hữu trí tuệ. Việc này không chỉ giúp nâng cao nhận thức mà còn khuyến khích mọi người bảo vệ quyền lợi của chính mình.

Khuyến khích sự tham gia của cộng đồng và doanh nghiệp trong việc bảo vệ bản quyền. Tổ chức và doanh nghiệp nên hợp tác để xây dựng các chương trình bảo vệ bản quyền, từ đó tạo ra một mạng lưới hỗ trợ lẫn nhau trong việc bảo vệ quyền hình ảnh. Khuyến khích các doanh nghiệp sử dụng hình ảnh hợp pháp, nhận thức rõ ràng về tầm quan trọng của việc sử dụng hình ảnh hợp pháp và có bản quyền. Các doanh nghiệp cần nâng cao nhận thức về quyền sở hữu trí tuệ cho nhân viên và các bên liên quan, đặc biệt là trong lĩnh vực thiết kế và quảng cáo. Thay vì sử dụng hình ảnh có bản quyền mà không có sự đồng ý, doanh nghiệp nên tìm kiếm các nguồn hình ảnh miễn phí hoặc mua bản quyền từ các trang cung cấp hình ảnh. Nên xây dựng và thực hiện các chính sách nội bộ rõ ràng về việc sử dụng hình ảnh và nội dung có bản quyền, nhận hỗ trợ từ các chuyên gia pháp lý để tư vấn về quyền sở hữu trí tuệ và cách bảo vệ quyền lợi của mình trong trường hợp phát sinh tranh chấp. Các cửa hàng nên tự tạo ra những hình ảnh sản phẩm riêng của mình để không bị rơi vào tình huống pháp lý phức tạp. Các doanh nghiệp có thể sử dụng các công nghệ như watermark (đóng dấu bản quyền), hệ thống quản lý quyền số (DRM) hoặc mã hóa hình ảnh để ngăn chặn việc sao chép hình ảnh trái phép<sup>22</sup>. Các công cụ theo dõi việc sử dụng hình ảnh trực tuyến cũng có thể giúp phát hiện sớm các trường hợp vi phạm.

Mặt khác, việc thực thi pháp luật là một khía cạnh quan trọng để bảo vệ quyền hình ảnh. Cần tổ chức các khóa đào tạo cho cán bộ pháp lý, cơ quan thực thi pháp luật về quyền sở hữu trí tuệ, đặc biệt là quyền đối với hình ảnh. Điều này giúp nâng cao nhận

---

<sup>22</sup> Tô Hoài Nam (2022), “Watermark là gì/ Tầm quan trọng của việc sử dụng Watermark”, <https://lptech.asia/kien-thuc/watermark-la-gi-tam-quan-trong-cua-viec-su-dung-watermark>, truy cập ngày 27/08/2024.

thức và khả năng xử lý các vụ việc liên quan đến quyền hình ảnh. Các tổ chức quản lý quyền tác giả, quyền liên quan có thể giúp bảo vệ quyền lợi cho các thành viên của họ bằng cách thực hiện các biện pháp bảo vệ, cấp phép sử dụng và đàm phán hợp đồng. Cần xây dựng các cơ chế giám sát chặt chẽ hơn để phát hiện và xử lý kịp thời các hành vi xâm phạm quyền hình ảnh; tạo điều kiện để các tổ chức, cá nhân có thể theo dõi việc sử dụng tác phẩm của mình trên các nền tảng truyền thông, mạng xã hội và Internet để phát hiện kịp thời các hành vi xâm phạm. Việc thiết lập các đường dây nóng hoặc các kênh phản ánh vi phạm quyền hình ảnh cũng sẽ giúp người dân dễ dàng tiếp cận và báo cáo các trường hợp vi phạm.

### ***Thứ hai, tham khảo ứng dụng công nghệ blockchain trong quản lý và bảo hộ bản quyền.***

Công nghệ blockchain cho phép ghi lại và lưu trữ thông tin một cách minh bạch, khó có thể bị thay đổi. Nhờ vậy, quyền sở hữu hình ảnh có thể được xác nhận một cách dễ dàng và nhanh chóng. Thông qua việc ghi lại thông tin về quyền sở hữu hình ảnh và các giao dịch liên quan, công nghệ blockchain giúp các chủ sở hữu hình ảnh theo dõi việc sử dụng hình ảnh của họ trên các nền tảng số, từ đó có thể nhanh chóng phát hiện và xử lý các hành vi vi phạm<sup>23</sup>.

Việc phát triển các công cụ kỹ thuật số nhằm nhận diện và bảo vệ bản quyền hình ảnh sẽ góp phần nâng cao hiệu quả bảo vệ quyền lợi cho các cá nhân và tổ chức. Sử dụng công nghệ nhận diện hình ảnh, nhận diện khuôn mặt và phân tích hình ảnh có thể được sử dụng để phát hiện và theo dõi việc sử dụng hình ảnh trên các nền tảng trực tuyến. Điều này giúp bảo vệ quyền hình ảnh một cách hiệu quả hơn. Phát triển các phần mềm quản lý bản quyền có thể giúp người dùng theo dõi việc sử dụng hình ảnh của họ trên mạng, từ đó phát hiện các hành vi vi phạm và có biện pháp xử lý kịp thời.

Tóm lại, việc nâng cao nhận thức cộng đồng, hoàn thiện quy định pháp luật và nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật liên quan đến quyền đối với hình ảnh trên môi trường số tại Việt Nam hiện nay là một vấn đề cấp thiết. Các giải pháp pháp lý, xã hội và kỹ thuật nêu trên không chỉ giúp bảo vệ quyền lợi của các cá nhân và tổ chức mà còn tạo ra một môi trường pháp lý minh bạch và công bằng hơn. Sự hợp tác giữa các cơ quan

---

<sup>23</sup> Phạm Tiến Đạt (2022), “Ứng dụng công nghệ Blockchain trong bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ”, <https://antoanthongtin.vn/giai-phap-khac/ung-dung-cong-nghe-blockchain-trong-bao-ve-quyen-so-huu-tri-tue-108542>, truy cập ngày 29/8/2024.

chức năng, doanh nghiệp và cộng đồng là rất cần thiết để thực hiện những giải pháp này một cách hiệu quả.

## KẾT LUẬN CHƯƠNG 2

Chương 2 đã khái quát thực trạng thực thi quyền đối với hình ảnh trong môi trường số tại Việt Nam, phản ánh những thách thức và bất cập đang tồn tại trong bối cảnh phát triển nhanh chóng của công nghệ thông tin và mạng xã hội. Qua việc phân tích các vụ việc điển hình, chúng ta thấy rõ rằng quyền đối với hình ảnh vẫn chưa được bảo vệ một cách đầy đủ, dẫn đến tình trạng xâm phạm quyền lợi của nhiều cá nhân, nghệ sĩ và KOL. Các quy định hiện hành về quyền đối với hình ảnh chưa đủ chặt chẽ và đồng bộ, điều này tạo ra nhiều khoảng trống pháp lý và khó khăn trong việc xử lý các vi phạm. Quy định pháp luật cũng chưa đáp ứng kịp thời và hiệu quả trước sự gia tăng của các hành vi xâm phạm, từ việc sử dụng hình ảnh mà không có sự cho phép đến việc cắt ghép và sửa đổi hình ảnh gốc một cách trái phép.

Để cải thiện tình hình, Chương 2 đã đưa ra một số kiến nghị quan trọng, bao gồm việc hoàn thiện khung pháp lý về bảo hộ quyền hình ảnh, tăng cường công tác thực thi pháp luật, ứng dụng công nghệ hiện đại vào quản lý bản quyền, và nâng cao nhận thức cộng đồng về quyền sở hữu trí tuệ. Sự tham gia tích cực của các cơ quan nhà nước, doanh nghiệp và cộng đồng là rất cần thiết để đảm bảo quyền lợi cho các cá nhân và tổ chức, đồng thời xây dựng một môi trường số lành mạnh và công bằng. Trong bối cảnh số hóa ngày càng gia tăng, việc bảo vệ quyền hình ảnh không chỉ là trách nhiệm của từng cá nhân mà còn là nhiệm vụ chung của toàn xã hội. Chỉ khi có sự chung tay từ nhiều phía, quyền hình ảnh mới có thể được bảo vệ một cách hiệu quả, tạo ra sự tin tưởng và an toàn cho người dùng trong môi trường số.

## KẾT LUẬN

Bảo vệ quyền đối với hình ảnh trên môi trường số đã trở thành vấn đề cấp thiết tại Việt Nam, đặc biệt với sự phát triển của công nghệ thông tin và truyền thông xã hội. Khoá luận đã chỉ ra rằng dù có quy định về quyền sở hữu trí tuệ, nhưng quyền hình ảnh vẫn gặp nhiều bất cập và chưa được bảo vệ đầy đủ. Khung pháp lý hiện tại còn thiếu sót và chưa kịp thời giải quyết các thách thức từ môi trường số, dẫn đến tình trạng xâm phạm quyền đối với hình ảnh. Thực trạng thực thi quyền đối với hình ảnh cũng cho thấy nhiều vấn đề, như thiếu nguồn lực và sự phối hợp từ các cơ quan chức năng, làm suy giảm niềm tin của người dân vào hệ thống pháp luật. Để bảo vệ quyền lợi cá nhân và tổ chức, khoá luận đã đề xuất các giải pháp hoàn thiện khung pháp lý về quyền đối với hình ảnh, nâng cao nhận thức cộng đồng cũng như năng lực quản lý, thực thi pháp luật và nghiên cứu ứng dụng công nghệ, đặc biệt là công nghệ blockchain trong quản lý quyền đối với hình ảnh. Đặc biệt, việc nâng cao nhận thức cộng đồng về quyền sở hữu trí tuệ là giải pháp quan trọng nhất. Bảo vệ quyền hình ảnh không chỉ là trách nhiệm của cơ quan nhà nước mà còn cần sự chung tay của toàn xã hội để tạo ra một môi trường số an toàn và công bằng. Bảo vệ quyền đối với hình ảnh trong thời đại số là một nhiệm vụ phức tạp nhưng vô cùng cần thiết, đòi hỏi sự phối hợp hiệu quả từ nhiều phía để đảm bảo sự phát triển bền vững cho xã hội.

## DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

### A. VĂN BẢN PHÁP LUẬT

1. Bộ luật dân sự 2015.
2. Bộ luật tố tụng dân sự 2015.
3. Luật báo chí 2016, sửa đổi bổ sung năm 2018
4. Bộ luật Hình sự 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.
5. Luật an ninh mạng 2018.
6. Luật Sở hữu trí tuệ 2005, sửa đổi bổ sung năm 2009, 2019, 2022.
7. Nghị định 17/2023/NĐ-CP Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật sở hữu trí tuệ về quyền tác giả, quyền liên quan.
8. Thông tư 37/2024/TT-BTC Ban hành chuẩn mực thẩm định giá việt nam về thẩm định giá tài sản vô hình.
9. Hiệp định về các khía cạnh liên quan đến Thương mại của Quyền Sở hữu Trí tuệ TRIPS (Trade-Related Aspects of Intellectual Property Rights)
10. Công ước Rome (1961) về Bảo hộ Quyền của Người Biểu Diễn, Nhà Sản Xuất Bản Ghi và Tổ Chức Phát Sóng.
11. Hiệp ước về quyền tác giả của Tổ chức Sở hữu trí tuệ Thế giới – WCT (WIPO Copyright Treaty)
12. Công ước Geneva
13. Luật Bản quyền (Copyright Act), [Luật Bản quyền \(Copyright Act\)](#)
14. Luật Digital Millennium Copyright Act (DMCA), [https://en.wikipedia.org/wiki/Digital\\_Millennium\\_Copyright\\_Act](https://en.wikipedia.org/wiki/Digital_Millennium_Copyright_Act)

### B. TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Thái Thị Tuyết Dung (2012), *Quyền tiếp cận thông tin và quyền riêng tư ở Việt Nam và một số quốc gia*, NXB Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh.
2. Trần Thị Thu Hằng (2014), “Quyền cá nhân đối với hình ảnh theo pháp luật Việt Nam”, *Luận văn Thạc sĩ Luật học*, Đại học Quốc gia Hà Nội.

1. Phạm Thị Hậu (2017), “Quyền được bảo vệ bí mật thông tin cá nhân ở Việt Nam hiện nay”, *Luận văn Thạc sĩ*, Khoa Luật – Đại học Quốc gia Hà Nội.
2. Trần Thị Hồng Hạnh (2018), “Hoàn thiện pháp luật về bảo vệ thông tin cá nhân ở Việt Nam hiện nay”, *Luận án Tiến sĩ*, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.
3. Võ Trung Hậu (2020), “Pháp luật về bảo hộ quyền tác giả trong môi trường Internet”, *Luận án Tiến sĩ*, Trường Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.
4. Đoàn Thị Kim Chi (2020), “Ảnh hưởng của mạng xã hội đến quyền hình ảnh cá nhân tại Việt Nam: Pháp lý và Thực tiễn”, *Án phẩm Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp*, số 09 (409), tháng 05/2020.
5. Trịnh Hoàng Minh (2021), “Pháp luật về bảo vệ thông tin cá nhân của người tiêu dùng ở Việt Nam hiện nay”, *Luận văn Thạc sĩ*, Luật Kinh tế, Học viện Khoa học xã hội – Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.
6. Nguyễn Thúy Ngân (2023), “Hoàn thiện pháp luật về bảo vệ quyền đối với dữ liệu cá nhân trên không gian mạng ở Việt Nam hiện nay”, *Luận văn Thạc sĩ*, Đại học Quốc gia Hà Nội.

### **TÀI LIỆU INTERNET**

1. Đặng Duy Thanh (21/08/2020), “Quyền của cá nhân đối với hình ảnh, quy định và bất cập”, Tạp chí Tòa án Nhân dân điện tử, <https://tapchitoaan.vn/quyen-cua-ca-nhan-doi-voi-hinh-anh-quy-dinh-va-bat-cap>, truy cập ngày 12/08/2024.
2. Trịnh Thu Thu Vân (2022), “Thách thức của Deepfake và vấn đề thực thi pháp luật”, Tạp chí An toàn Thông tin, <https://antoanrongtin.vn/chinh-sach---chien-luoc/thach-thuc-cua-deepfake-va-van-de-thuc-thi-phap-luat-108352>
3. Phạm Tiến Đạt (2022), “Ứng dụng công nghệ Blockchain trong bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ”, <https://antoanrongtin.vn/giai-phap-khac/ung-dung-cong-nghe-blockchain-trong-bao-ve-quyen-so-huu-tri-tue-108542>, truy cập ngày 29/8/2024.

4. Vũ Anh (2022), “Hãng thời trang Trung Quốc Shein bị kiện vì vi phạm bản quyền thiết kế”, <https://m.cafebiz.vn/hang-thoi-trang-trung-quoc-shein-bi-kiem-vi-vi-pham-ban-quyen-thiet-ke-20220704150539765.chn>, truy cập ngày 26/08/2024.
5. Tô Hoài Nam (2022), “Watermark là gì? Tầm quan trọng của việc sử dụng Watermark”, <https://lptech.asia/kien-thuc/watermark-la-gi-tam-quan-trong-cua-viec-su-dung-watermark>, truy cập ngày 27/08/2024.
6. Phan Thị Hời (2023), “Lợi ích và rủi ro của người tiêu dùng khi tham gia mua sắm trực tuyến hiện nay tại Việt Nam”, <https://tapchicongthuong.vn/loi-ich-va-rui-ro-cua-nguoi-tieu-dung-khi-tham-gia-mua-sam-truc-tuyen-hien-nay-tai-viet-nam-103601.htm>, truy cập ngày 26/08/2024.
7. Mộc An (2023), “Từ vụ chiến thần Hà Linh, chuyên gia hé lộ bí kíp dùng người nổi tiếng quảng cáo hàng”, <https://dantri.com.vn/kinh-doanh/tu-vu-chien-than-ha-linh-chuyen-gia-he-lo-bi-kip-dung-koc-hieu-qua-20230406091856968.htm>, truy cập ngày 27/08/2024.
8. Đức Hùng (2023), “Lừa bán “quần áo cũ, rách” cho khách hàng mua online”, [onlinehttps://vnexpress.net/lua-ban-quan-ao-cu-rach-cho-khach-hang-mua-online-4693401.html](https://vnexpress.net/lua-ban-quan-ao-cu-rach-cho-khach-hang-mua-online-4693401.html), truy cập ngày 26/08/2024.
9. Nguyễn Thế Anh và Nguyễn Thị Bảo (2024), “Quyền về đời sống riêng tư trên các nền tảng mạng xã hội - góc nhìn từ thực tiễn và pháp lý”, *Tạp chí Tòa án nhân dân điện tử*, <https://tapchitoaan.vn/%C2%A0quyen-ve-doi-song-rieng-tu-tren-cac-nen-tang-mang-xa-hoi-%C2%A0goc-nhin-tu-thuc-tien-va-phap-ly10427.html>
10. Huyền Bùi (2024), “Bảo vệ bản quyền tác phẩm báo chí trên môi trường số - Góc nhìn từ thực tiễn và những vấn đề pháp lý đặt ra”, <https://danchuphapluat.vn/bao-ve-ban-quyen-tac-pham-bao-chi-tren-moi-truong-so-goc-nhin-tu-thuc-tien-va-nhung-van-de-phap-ly-dt-ra>, truy cập ngày 24/8/2024.
11. Lê Xuân Tùng (2024), “Vi phạm bản quyền trong nhiếp ảnh”, <https://nhiepanhdoisong.vn/vi-pham-ban-quyen-trong-nhiep-anh-14583.html>, truy cập ngày 27/08/2024.

12. “Về vấn đề bản quyền và sử dụng hình ảnh cá nhân đối với sản phẩm quảng cáo”, <https://luatsugioi.com/ve-van-de-ban-quyen-va-su-dung-hinh-anh-ca-nhan-doi-voi-san-pham-quang-cao-2931-3.html>, truy cập ngày 28/09/2024.